



QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định phương pháp định giá đất; trình tự, thủ tục xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Điều 28 Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định phương pháp định giá đất; trình tự, thủ tục xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT ngày 27/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật để lập dự toán ngân sách nhà nước phục vụ công tác định giá đất;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 62/TTr-STNMT-CCQLĐĐ ngày 27 tháng 2 năm 2023 về việc phê duyệt Kế hoạch định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2023 (theo Kế hoạch định giá đất cụ thể số 668/KH-STNMT ngày 27/02/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường), cụ thể:

1. Số trường hợp cần xác định giá đất cụ thể dự kiến khoảng 365 trường hợp cần xác định giá đất cụ thể, trong đó có 183 trường hợp cần thuê tư vấn xác định giá đất, gồm:

a) Có 110 trường hợp xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

b) Có 71 trường hợp xác định giá đất để thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

c) Có 02 trường hợp xác định giá đất khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất.

2. Tổng kinh phí ước tính để thuê tổ chức tư vấn xác định giá đất cụ thể khoảng 8.332.000.000 đồng. Trong đó:

- Thực hiện định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất dự kiến: 4.682.000.000 đồng/110 trường hợp; (trong đó bao gồm các dự án đầu tư công của địa phương)

- Thực hiện định giá đất cụ thể để tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất dự kiến: 3.550.000.000 đồng/71 trường hợp;

- Thực hiện định giá đất cụ thể để đấu giá quyền sử dụng đất dự kiến: 100.000.000 đồng/02 trường hợp.

3. Nguồn kinh phí thực hiện: ngân sách Nhà nước.

4. Khi triển khai thực hiện Kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2023; Tùy vào tình hình thực tế của địa phương, UBND tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ động rà soát các trường hợp cấp bách, các dự án đầu tư công thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất, cần phải xác định giá đất cụ thể tính bồi thường, tái định cư trên cơ sở đề nghị của UBND các huyện, thị xã, thành phố và chủ đầu tư dự án, tiến hành xây dựng phương án giá đất cụ thể mà không cần thiết phải thuê đơn vị tư vấn, trình Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh thẩm định trước khi trình UBND tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt giá đất cụ thể theo quy định.

Các trường hợp có nhu cầu định giá đất cụ thể phát sinh trong năm 2023, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Sở, ban, ngành có liên quan phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch định giá đất cụ thể phù hợp để có cơ sở triển khai thực hiện.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện Vạn Ninh, Diên Khánh, Khánh Sơn, Khánh Vĩnh, Cam Lâm; thị xã Ninh Hòa; thành phố Cam Ranh và thành phố Nha Trang; Các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT.UBND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VC, CN, KN, HT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hữu Hoàng

KẾ HOẠCH

Định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2023

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Căn cứ Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính Phủ sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định phương pháp định giá đất; trình tự, thủ tục xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Điều 28 Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định phương pháp định giá đất; trình tự, thủ tục xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT ngày 27/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật để lập dự toán ngân sách nhà nước phục vụ công tác định giá đất;

Căn cứ dự thảo Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của các huyện: Vạn Ninh, Diên Khánh, Khánh Sơn, Khánh Vĩnh, Cam Lâm; thị xã Ninh Hòa; thành phố Cam Ranh và thành phố Nha Trang; Văn bản của UBND các huyện, thị xã, thành phố đề nghị nhu cầu cần định giá đất cụ thể năm 2023 (đính kèm);

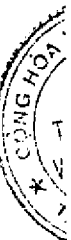
Sở Tài nguyên và Môi trường lập Kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2023 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Xác định số lượng các trường hợp và quy mô diện tích cần xác định giá đất cụ thể trong năm 2023, các trường hợp phải thuê tư vấn và dự kiến kinh phí thực hiện định giá đất cụ thể;

2. Làm cơ sở để bố trí nguồn kinh phí thực hiện định giá đất cụ thể và lựa chọn thuê đơn vị có chức năng định giá đất cụ thể;

3. Đảm bảo thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để triển khai thực hiện các dự án, công trình trong năm 2023; thực



hiện kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất và định giá đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp trong năm 2023 và tính toán thực hiện các nghĩa vụ tài chính liên quan trong quản lý, sử dụng đất đai theo quy định.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG CẦN ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ

1. Phạm vi thực hiện

Định giá đất cụ thể trong phạm vi của từng dự án, công trình (từng trường hợp) trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Đối tượng định giá đất cụ thể

Căn cứ Luật đất đai 2013; Khoản 3 và Khoản 4, Điều 3 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai thì đối tượng định giá đất cụ thể được quy định như sau:

a) Trường hợp giá trị của thửa đất hoặc khu đất từ 20 tỷ đồng trở lên (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) khi xác định giá đất đối với các trường hợp sau:

- Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối mà phải nộp tiền sử dụng đất;

- Tính tiền thuê đất đối với trường hợp Nhà nước cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất;

- Tính giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước mà doanh nghiệp cổ phần sử dụng đất thuộc trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê; tính tiền thuê đất đối với trường hợp doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm;

- Xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê;

- Tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính, hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm chuyển sang thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê và phải xác định giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất tại thời điểm có quyết định cho phép chuyển sang thuê đất theo hình thức thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê;

- Người mua tài sản được Nhà nước tiếp tục cho thuê đất trong thời hạn sử dụng đất còn lại theo giá đất cụ thể, sử dụng đất đúng mục đích đã được xác định trong dự án;

b) Tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất. Tính tiền sử dụng đất tái định cư đối với các trường hợp đủ điều kiện tái định cư theo quy định.

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ NĂM 2023

1. Xác định các trường hợp cần xác định giá đất cụ thể và trường hợp thuê tư vấn xác định giá đất cụ thể năm 2023

Trên cơ sở đối tượng, nhu cầu cần định giá đất cụ thể; căn cứ vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2022, dự thảo Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của các huyện: Vạn Ninh, Diên Khánh, Khánh Sơn, Khánh Vĩnh, Cam Lâm, thị xã Ninh Hòa, thành phố

Cam Ranh, thành phố Nha Trang và Văn bản đề nghị của UBND các huyện, thị xã, thành phố; kế hoạch cổ phần hóa các doanh nghiệp Nhà nước và kế hoạch thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất trong năm 2023 để xác định các trường hợp cần định giá đất cụ thể. Cụ thể như sau:

TT	Mục đích định giá theo địa bàn Địa bàn	Xác định giá đất tính tiền bồi thường khi thu hồi đất, tính tiền sử dụng đất tái định cư	Xác định giá đất để thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, giá khởi điểm đấu giá QSD đất	Số trường hợp thuê tư vấn xác định giá đất cụ thể	Dự kiến kinh phí thực hiện (đồng)
1	Vạn Ninh	24	-	-	800.000.000
2	Diên Khánh	54	-	-	810.000.000
3	Khánh Sơn	29	-	-	450.000.000
4	Khánh Vĩnh	16	-	-	320.000.000
5	Cam Lâm	28	-	-	520.000.000
6	Ninh Hòa	36	-	-	390.000.000
7	Cam Ranh	16	-	-	450.000.000
8	Nha Trang	89	-	-	942.000.000
	TỔNG CỘNG	292	73	183	8.332.000.000

(kèm theo danh mục các trường hợp cần định giá đất cụ thể và các trường hợp cần thuê tư vấn định giá đất cụ thể trong năm 2023)

Danh mục các dự án, công trình cần thuê tư vấn định giá đất cụ thể nêu trên có tính chất dự báo để có kế hoạch chuẩn bị triển khai thực hiện. Các trường hợp cần định giá đất cụ thể và cần thuê tư vấn định giá đất cụ thể sẽ căn cứ trên cơ sở nhu cầu thực tế chuẩn bị cho việc triển khai thực hiện dự án, công trình; các quyết định giao đất, cho thuê đất, đảm bảo đúng quy định và phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt.

Đối với các trường hợp tính giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước mà doanh nghiệp cổ phần sử dụng đất thuộc trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê; các trường hợp cần xác định giá đất cụ thể khác sẽ căn cứ theo yêu cầu thực tế và thời điểm cụ thể để xác định giá đất cụ thể đối với từng trường hợp, đảm bảo phù hợp quy định.

Đối với các dự án đầu tư (gồm cả dự án có vốn đầu tư trong ngân sách và ngoài ngân sách) trước đây đã được phê duyệt giá đất cụ thể tính bồi thường nhưng đến năm 2023 chưa hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc trong quá trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có phát sinh các thửa đất

H.C.N
SỞ
NGUYỄN
HỘI TRƯỞNG
KHÁNH

cần thu hồi thì tiếp tục tổ chức xác định giá đất cụ thể tính bồi thường, tái định cư theo yêu cầu thực hiện của dự án đảm bảo phù hợp quy định.

2. Dự kiến trường hợp phải thuê tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất và số lượng tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất

Dự kiến có 365 trường hợp cần xác định giá đất cụ thể, trong đó có 183 trường hợp cần thuê tư vấn xác định giá đất, gồm:

- a) Có 110 trường hợp xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, tiền sử dụng đất tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;
- b) Có 71 trường hợp xác định giá đất để thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;
- c) Có 02 trường hợp xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất.

Trên cơ sở số lượng các trường hợp cần thuê tư vấn định giá đất cụ thể nêu trên, dự kiến số lượng tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa trong năm 2023 có ít nhất 03 tổ chức.

Tùy tình hình thực tế công tác định giá đất cụ thể tại địa phương để đánh giá, lựa chọn bổ sung thêm các đơn vị tư vấn khác tham gia tư vấn định giá đất cụ thể tại địa phương để đảm bảo thời gian, tính chính xác của kết quả tư vấn định giá đất cụ thể theo đúng quy định của pháp luật.

Phương pháp định giá đất theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Các phương pháp được áp dụng phải đảm bảo theo đúng hướng dẫn tại Điều 3, 4, 5, 6 và 7 của Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Gồm các phương pháp sau:

- Phương pháp so sánh trực tiếp;
- Phương pháp chiết trừ;
- Phương pháp thu nhập;
- Phương pháp thặng dư;
- Phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất.

3. Dự kiến thời gian và kinh phí thực thực hiện định giá đất

a) Thời gian thực hiện: trong năm 2023.

- Đối với việc xác định giá đất để tính bồi thường, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất: theo tiến độ công tác giải phóng mặt bằng để thu hồi đất, UBND cấp huyện hoặc Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng gửi hồ sơ về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổ chức xác định giá đất cụ thể. Việc xây dựng Kế hoạch định giá đất cụ thể để thuê tư vấn áp dụng đối với các trường hợp mà các địa phương không thực hiện được những nội dung theo chỉ đạo của UBND tỉnh khi xác định giá đất cụ thể tính bồi thường, bố trí tái định cư đối với các dự án đầu tư thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất theo quy định Luật đất đai 2013 (Văn bản số 10271/UBND-XDNĐ ngày 24/10/2022, số 12666/UBND-XDNĐ ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh về chủ trương xử lý vướng mắc liên quan đến xác định giá đất cụ thể tính bồi thường khi nhà nước thu hồi đất).

- Đối với việc xác định giá đất để thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất: căn cứ Quyết định giao đất, cho thuê đất, phương án đấu giá quyền sử dụng đất của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức xác định giá đất cụ thể theo chức năng, nhiệm vụ theo quy định pháp luật.

b) Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí được bố trí từ ngân sách Nhà nước theo quy định tại Khoản 4, Điều 21, Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

c) Dự kiến kinh phí thực hiện

Căn cứ Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT ngày 27/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật để lập dự toán ngân sách nhà nước phục vụ công tác định giá đất; Thông tư 136/2017/TT-BTC ngày 22/12/2017 của Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ về tài nguyên và Môi trường; chi phí vật tư theo đơn giá tính theo đơn giá khảo sát thị trường và mức lương cơ bản tính theo mức lương tối thiểu 1.490.000 đồng/tháng, Sở Tài nguyên và Môi trường khái toán kinh phí thực hiện định giá đất cụ thể cho 183 trường hợp dự kiến trong năm 2023: 8.332.000.000 đồng. Trong đó:

- Thực hiện định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất dự kiến: 4.682.000.000 đồng/110 trường hợp;

- Thực hiện định giá đất cụ thể để tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất dự kiến: 3.550.000.000 đồng/71 trường hợp;

- Thực hiện định giá đất cụ thể để đấu giá quyền sử dụng đất dự kiến: 100.000.000 đồng/02 trường hợp.

Dự kiến kinh phí thực hiện nêu trên làm cơ sở bố trí nguồn kinh phí và triển khai tổ chức thực hiện việc định giá đất cụ thể trong năm 2023 theo quy định.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Xác định mục đích định giá đất cụ thể và chuẩn bị hồ sơ thửa đất cần định giá và các thông tin liên quan;

- Lựa chọn, ký hợp đồng thuê tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất đối với từng trường hợp cần thuê tư vấn xác định giá đất;

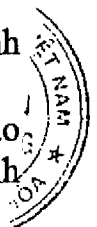
- Kiểm tra, đánh giá kết quả việc xác định giá đất và phương án giá đất, trình Hội đồng thẩm định giá đất và trình UBND tỉnh xem xét, quyết định giá đất;

- Lưu giữ toàn bộ kết quả định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh; thông kê báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường về kết quả định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh

Tổ chức thẩm định phương án giá đất; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định phương án giá đất.

3. Sở Tài chính



- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí để triển khai thực hiện việc định giá đất cụ thể theo kế hoạch được phê duyệt;
- Tiếp nhận hồ sơ phương án giá đất từ Sở Tài nguyên và Môi trường và giúp Hội đồng thẩm định giá đất tổ chức các cuộc họp để thẩm định phương án giá đất.

4. Các Sở, ngành liên quan

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xác định các dự án, công trình thuộc lĩnh vực quản lý ngành cần xác định giá đất cụ thể, thời gian thực hiện định giá đất cụ thể và chuẩn bị các điều kiện cần thiết có liên quan đến dự án, công trình trong việc xác định giá đất cụ thể.

5. UBND các huyện, thị xã và thành phố

- Chỉ đạo các cơ quan có liên quan việc chuẩn bị các điều kiện cần thiết liên quan đến dự án, công trình cần thuê tư vấn định giá đất cụ thể (như: xác định các dự án, công trình trên địa bàn cần định giá đất cụ thể, chuẩn bị hồ sơ của thửa đất cần định giá; vị trí, diện tích, loại đất, mục đích và thời hạn sử dụng đất của thửa đất cần định giá, thông tin chuyên nhượng về giá đất tại địa phương...) để có cơ sở cung cấp cho đơn vị tư vấn xác định giá đất cụ thể.

- Tổng hợp đầy đủ hồ sơ đề nghị xác định giá đất cụ thể của từng trường hợp cụ thể theo tiến độ của công tác giải phóng mặt bằng và hồ sơ gửi kèm theo văn bản đề nghị xác định giá đất cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tổ chức xác định giá đất.

Trên đây là Kế hoạch định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2023; Tùy vào tình hình thực tế của địa phương, UBND tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ động rà soát các trường hợp cấp bách, các dự án đầu tư công thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất, cần phải xác định giá đất cụ thể tính bồi thường, tái định cư trên cơ sở đề nghị của UBND các huyện, thị xã, thành phố và chủ đầu tư dự án, tiến hành xây dựng phương án giá đất cụ thể mà không cần thiết phải thuê đơn vị tư vấn, trình Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh thẩm định trước khi trình UBND tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt giá đất cụ thể theo quy định.

Khi triển khai thực hiện Kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2023, nếu có phát sinh các trường hợp có nhu cầu định giá đất cụ thể thì UBND các huyện, thị xã, thành phố, các sở, ban, ngành có liên quan phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để xem xét, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch định giá đất cụ thể phù hợp với tình hình thực tiễn và có cơ sở triển khai thực hiện đúng quy định. /.

Nơi nhận: VBĐT

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Các Sở: TC, XD, KHĐT, TP;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Văn phòng Đăng ký ĐĐ tỉnh KH;
- Các Ban QLDA thuộc tỉnh;
- Lưu: VT, CCQLĐĐ, (A).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Vũ Chí Hiếu

TỔNG HỢP NHU CẦU CẦN THUÊ TƯ VẤN XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ NĂM 2023 ĐỂ TÍNH BỒI THƯỜNG, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THUỘC ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ NHA TRANG

(Kèm theo Kế hoạch số 68 /KH-STNMT ngày 27/02/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích dự án (ha)	Diện tích đưa vào KHSD đất 2023	Địa điểm (đến cấp xã, phường)	Loại đất thu hồi	Dự toán kinh phí (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Nút giao thông Ngọc Hội - đường 23/10	DGT	3,50	1,19	Ngọc Hiệp	ODT/SXN	0	
2	Tuyến đường Vành đai 2 thành phố Nha Trang (đoạn từ Cầu Bình Tân đến Quốc lộ 1C)	DGT	47,17	47,17	Phước Long, Ngọc Hiệp, Phước Hải, Vĩnh Hải, Vĩnh Hiệp, Vĩnh Hòa, Vĩnh Thái		0	
3	Đường Tỉnh lộ 3		22,63	0,05	Phước Đồng, Vĩnh Thái		0	
4	Đường D30 kết nối giao thông đường Võ Nguyên Giáp với đường 23 tháng 10 (bổ sung diện tích)	DGT	2,95	0,05	Vĩnh Hiệp, Vĩnh Trung	ONT/SXN	0	
5	Đập ngăn mặn trên sông Cái	DTL	4,29	0,50	Ngọc Hiệp	ODT/SXN	0	
6	Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang - Hạng mục: Hồ điều hòa, Trạm bơm chính và các tuyến cống	SKC	2,3	2,3	Vĩnh Hải, Vĩnh Hòa		0	
7	Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang - Hạng mục: Nhà máy xử lý nước thải phía Bắc, Trạm bơm nước mưa, Đường Chữ Đồng Tử và mương, Kè phía Bắc sông Cái	SKC	12,3	12,3	Vĩnh Hải, Vĩnh Hòa, Vĩnh Ngọc, Vạn Thắng, Ngọc Hiệp, Vĩnh Phước		0	
8	Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang, hạng mục: Kè và đường phía Nam sông Cái	SKC	11,6	11,6	Ngọc Hiệp, Vạn Thắng		0	
9	Nâng cấp, mở rộng tràn rọc dài	DGT	0,14	0,14	Vĩnh Thạnh	ONT/SXN	0	

10	Hệ thống thoát nước mưa khu vực Nam Hòn Khô có 02 hạng mục: - Tuyến đường Đặng Từ Mẫn - Hạng mục tuyến cống hộp đi qua dự án Khu dân cư Nam Vĩnh Hải	DTL	0,30	0,30	Vĩnh Hòa	ODT/SXN	0	
11	Trường Cao đẳng Sư phạm Nha Trang (Trường Đại học Khánh Hòa)	DGD	2,00	0,63	Vĩnh Lương	ONT/SXN	0	
12	Dự án Khu tái định cư tại xã Vĩnh Thái	ONT	9,70	9,70	Vĩnh Thái	ONT/SXN	0	
13	Khu tái định cư Ngọc Hiệp		13,45	13,45	Ngọc Hiệp		0	
14	Khu tái định cư Hòn Ró II		0,82	0,62	Phước Đồng		0	
15	Các tuyến đường, các nút giao thông kết nối Khu sân bay Nha Trang (diện tích đất của Công ty Nhật Tiến)	DGT	0,08	0,0833		ODT/SXN	0	
16	Hồ chứa nước Đắc Lộc		71,5	71,5	Vĩnh Phương		0	
17	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư tại xã Vĩnh Trung và xã Vĩnh Thái	ONT	10,02	10,02	Vĩnh Trung, Vĩnh Thái	ONT/SXN	0	
18	Cơ sở hạ tầng khu trường học, đào tạo và dạy nghề Bắc Hòn Ông		14,86	14,86	Phước Đồng		0	
19	Dự án Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Bình Khiêm - Hà Ra, thành phố Nha Trang	DGT	0,69	0,66	Xương Huân, Vạn Thạnh	ODT/SXN	0	
20	Dự án cầu vượt trên QL1 tại nút giao với QL1C (phần còn lại)	DGT	0,60	0,23	Vĩnh Lương	ONT/SXN	0	
21	Đầu tư cơ sở hạ tầng chống ngập lụt, xói lở khu dân cư Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, Kè bờ hữu sông Cái và kè bờ sông Cái qua xã Vĩnh Phương		7,42	7,42	Vĩnh Thạnh, Vĩnh Ngọc		0	
22	Công trình nòng cốt trong khu sơ tán, khu tập trung bí mật, thao trường huấn luyện cấp xã, phường của lực lượng vũ trang thành phố Nha Trang	CQP	37,54	37,54	Phước Đồng, Vĩnh Trung, Vĩnh Thái	ONT/SXN	40.000.000	
23	Trụ sở làm việc mới và trung tâm huấn luyện PCCC tỉnh Khánh Hoà (phần còn lại)	CAN	7,00	0,73	Phước Đồng	ONT/SXN	30.000.000	
24	Đường giao thông đi vào Trung tâm chỉ huy Cảnh sát PCCC (phần còn lại), đã thực hiện 0,10 ha.	CAN	0,30	0,20	Phước Đồng	ONT/SXN	30.000.000	

25	Điều chỉnh diện tích Lâm mới đường Quốc lộ 1 đi cầu Bến Miếu - đoạn QL 1 đến Tiểu đoàn Cảnh sát cơ động E23	DGT	7,20	7,20	Vĩnh Ngọc, Vĩnh Phương	ONT/SXN	30.000.000	
26	Cầu Ngọc Thảo	DGT	0,16	0,16	Ngọc Hiệp, Vĩnh Phước	ODT/SXN	0	
27	Cầu qua sông Kim Bồng		0,40	0,40	Vạn Thắng, Ngọc Hiệp		0	
28	Thu hồi các hệ bị sạt lở núi khu vực chùa Kỳ Viên	PNK	0,20	0,20	Vạn Thạnh	ODT/SXN	0	
29	Tuyến đường vào dự án tái hiện căn cứ Cách mạng Đồng Bò	DGT	0,55	0,55	Phước Đồng	ONT/SXN	0	
30	Đường Lê Lợi	DGT	0,02	0,02	Xương Huân	ODT/SXN	0	
31	Đường Ngô Quyền	DGT	0,8	0,8	Xương Huân		0	
32	Đường Phú Đức	DGT			Vĩnh Hòa		0	
33	Xây dựng đường dây 220KV Nha Trang - Tháp Chàm	DNL	0,21	0,21	Vĩnh Phương	ONT/SXN	0	
34	Kè chống sạt lở và đá lăn tại khu vực dự án Khu nhà ở cao cấp Hoàng Phú	DTL	0,03	0,03	Vĩnh Hòa		0	
35	Thu hồi các hệ bị sạt lở núi gây sập nhà tại thôn Phước Lộc	PNK	2,76	1,91	Phước Đồng	ONT/SXN	0	
36	Treo dây mạch 2 đường dây 220Kv Tuy Hòa - Nha Trang (phần mở rộng đường dây)	DNL		0,19	Vĩnh Lương, Vĩnh Phương	ONT/SXN	0	
37	Cải tạo, nâng cao khả năng truyền tải đường dây 110kV từ TBA 110kV Nha Trang đi TBA 110kV Ninh Hòa	DNL	0,365	0,10	Vĩnh Phương, Vĩnh Lương	ONT/SXN	0	
38	Xây dựng trụ sở làm việc của Trường Trung tâm Kỹ thuật miền Trung	DGD	14,10	14,10	Vĩnh Phương		0	
39	Khu vực phòng thủ Vĩnh Lương (Hòn Thông)		10,0	10,0	Vĩnh Lương		0	
40	Công trình chiến đấu Vĩnh Nguyên (tổng diện tích là 1 ha, trong đó: hiện trạng có 0,50 ha, mở rộng thêm 0,50 ha)		1,00	1,00	Vĩnh Nguyên		0	
41	Thu hồi đất hộ gia đình, dự án di dời do sạt lở tại Vĩnh Trường		0,07	0,07	Vĩnh Trường		0	
42	Thu hồi đất của dân để hoán đổi 5% thực hiện xây dựng công trình NTM (NVH thôn Trung)		0,17	0,17	Vĩnh Phương		0	

43	Kè chống sạt lở bờ tả cầu Suối Lở thôn Văn Đăng 1 (tổng diện tích là 0,88 ha, trong đó diện tích thu hồi là 0,18 ha)	DTL	0,88	0,88	Vĩnh Lương		0	
44	Trụ sở BCH Quân sự tỉnh		5,07	5,07	Vĩnh Thái		0	
45	Nâng cấp đường Đô Lương đoạn còn lại		0,05	0,04	Phước Hòa		0	
46	Kè sông Cái (đoạn còn lại qua các xã Vĩnh Trung, Vĩnh Ngọc, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Phương)		2,70	2,70	Vĩnh Phương		0	
47	Kè chống sạt lở Lương Hòa	DTL	2,63	2,63	Vĩnh Lương		0	
48	Kè bờ phường Vĩnh Nguyên	DTL	0,02	0,02	Vĩnh Nguyên		0	
49	Trồng cây xanh cách ly cho vùng đệm nhà máy xử lý nước thải phía Nam thành phố Nha Trang		16,65	16,65	Phước Đồng		0	
50	Bãi chôn lấp Lương Hòa	DRA	10,26	10,23	Vĩnh Lương		0	
51	Đường dây 220kV Krông Búk - Nha Trang mạch 2	DNL	1,19	1,19	Vĩnh Lương, Vĩnh Phương		0	
52	Dự án Cải tạo ĐZ 110kV Nha Trang - Diên Khánh - Suối Dầu	DNL	0,20	0,20	Vĩnh Phương, Vĩnh Trung		30.000.000	
53	Trạm biến áp 110kV Lương Sơn và đầu nối	DNL	0,39	0,39	Vĩnh Lương		30.000.000	
54	Xây dựng Đường dây 500kV nhiệt điện Vân Phong - Vĩnh Tân	DNL	0,11	0,11	Vĩnh Lương		30.000.000	
55	Đường số 38 Khu dân cư Phước Đồng	DGT	0,90	0,90	Phước Đồng		30.000.000	
56	Tiểu dự án cải tạo và phát triển lưới điện trung hạ áp khu vực trung tâm huyện lỵ, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh Khánh Hòa	DNL	0,50	0,50	Các phường: Vĩnh Hải, Vĩnh Hòa, Phước Hải và các xã: Vĩnh Ngọc, Vĩnh Lương, Vĩnh Thái, Vĩnh Trung		30.000.000	
57	Dự án Xây dựng trụ sở mới UBND phường Vĩnh Hải	TSC	0,73	0,73	Vĩnh Hải		0	
58	Công trình Nâng cấp đường Vạn Hòa	DGT	0,30	0,30	Vạn Thạnh		0	
59	Công trình Nâng cấp đường Châu Văn Liêm	DGT	0,20	0,20	Phước Long		0	
60	Công trình Nâng cấp đường Thu Bồn	DGT	0,20	0,20	Vĩnh Lương		0	
61	Mở rộng nghĩa trang phía Bắc	NTD	3,10	3,1	Vĩnh Lương		0	

62	Tiêu thoát lũ các xã Diên Sơn - Diên Điền - Diên Phú, huyện Diên Khánh (đoạn qua xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang)	DTL	6,20	6,20	Vĩnh Phương		0	
63	Đường số 74	DGT	1,65	1,65	Phước Đồng		0	
64	Xây dựng kè và đường dọc Sông Cái (khu dân cư Cồn Tân Lập)	DGT	14,00	14,00	Vạn Thắng, Ngọc Hiệp, Vĩnh Phước		0	
65	Dự án CHAMPARAMA RESORT & SPA (phần còn lại)	TMD	45,80	0,10	Vĩnh Hòa		0	
66	Khu dân cư Phước Long - Vĩnh Trường: Phước Long 4,95 ha, Vĩnh Trường 5,7ha (năm 2018 đã thực hiện 0,11 ha)	ODT	10,65	10,54	Phước Long, Vĩnh Trường		30.000.000	
67	Khu đô thị sinh thái VCN (bao gồm cả trục đường Bắc - Nam qua khu đô thị và phần diện tích đất nông nghiệp còn lại ngoài ranh dự án nhưng người dân để nghị thu hồi luôn do không sản xuất được)	ONT	71,5	76,3	Vĩnh Thái	ONT/TSL	62.000.000	
68	Khu đô thị Mỹ Gia (Phần còn lại)	ODT	7,86	5,73	Vĩnh Thái		30.000.000	
69	Khu đô thị mới Phước Long (phần còn lại)	ODT	7,00	7,00	Phước Long		30.000.000	
70	Đầu tư Phát triển đảo Hòn Tre	TMD	556,59	42,56	Vĩnh Nguyên		30.000.000	
71	Khu tái định cư S1	ODT	3,60	3,60	Vĩnh Trường		30.000.000	
72	Dự án Khu đô thị mới Phúc Khánh 1 và 2 (phần còn lại)	ODT	30,10	9,03	Vĩnh Trung		30.000.000	
73	Dự án đường số 1A khu vực phía tây đường Lê Hồng Phong, TP Nha Trang (đoạn từ đường số 23 đi đường số 28), đoạn từ đường số 25 đến đường số 28 -thuộc dự án Khu đô thị VCN - Phước Long II, TP Nha Trang	ODT	2,92	1,77	Phước Long	TSL	30.000.000	
74	Khu đô thị sinh thái bán đảo Thanh Phong (giai đoạn 1)	ODT	39,53	15,00	Vĩnh Thái		30.000.000	
75	Khu đô thị sinh thái bán đảo Thanh Phong (giai đoạn 2)	ODT	50,50	15,00	Vĩnh Thái		30.000.000	
76	Dự án KĐT Lê Hồng Phong I (thu hồi bổ sung)	ODT	0,27	0,27	Phước Long		30.000.000	
77	Mở rộng đường 18 và 22 Khu đô thị Lê Hồng Phong (lên lộ giới 35m)	DTGT	0,35	0,35	Phước Hải, Phước Long		30.000.000	
78	Khu đô thị Lê Hồng Phong 1	ODT	9,93	9,93	Phước Hải, Phước Long, Vĩnh Thái		30.000.000	
79	Khu đô thị Lê Hồng Phong 2	ODT	13,48	13,48	Phước Hải, Vĩnh Thái		30.000.000	

80	Khu đô thị Hoàng Long (phần còn lại 10 ha)	ODT	10,00	10,00	Phước Long		30.000.000	
81	Khu đô thị VCN - Phước Long	ODT	0,20	0,20	Phước Long		30.000.000	
82	Khu nhà ở Phước Đồng	ONT	10,60	6,07	Phước Đồng		30.000.000	
83	Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông, bãi đỗ xe tại phường Vĩnh Nguyên, TP Nha Trang	DGT	1,07	1,07	Vĩnh Nguyên		0	
84	Khu đô thị Vĩnh Trung	ODT	14,00	6,27	Vĩnh Trung		0	
85	Nhà máy sản xuất mốp Mỹ Nghệ	SKC	1,70	1,70	Vĩnh Phương		0	
86	Khu đô thị Mipeco (Không bao gồm Trường THCS Bùi Thị Xuân)	ODT	16,00	16,0	Vĩnh Nguyên		30.000.000	
87	Khu phức hợp và nhà ở Phước Lợi - Công ty Cổ phần Bất động sản Quang Thanh	ONT	6,00	1,27	Phước Đồng		30.000.000	
88	KDC Nam Vĩnh Hải (phần còn lại của giai đoạn 1 và giai đoạn 2)	ODT	31,06	5,0	Vĩnh Hải	ODT/SXN	30.000.000	
89	Khu đô thị The Forest Hotel và Villas	ODT	62,80	10,00	Vĩnh Trường, Vĩnh Nguyên	ODT/SXN	30.000.000	
	TỔNG CỘNG		1.392,63	616,48			941.999.992	

942.000.000

Ghi chú: số liệu theo danh mục dự án thực hiện năm 2023 của Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thành phố Nha Trang phê duyệt tại Quyết định số 3230/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa; dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của UBND thành phố Nha Trang

**TỔNG HỢP NHU CẦU CẦN THUÊ TƯ VẤN XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ NĂM 2023 ĐỂ TÍNH BỒI THƯỜNG, TÁI ĐỊNH CƯ
KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THUỘC ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CAM RANH**

(Kèm theo Kế hoạch số 668 /KH-STNMT ngày 27/02/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Diện tích Kế hoạch 2023 (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Loại đất thu hồi	Dự toán kinh phí (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đường Nghĩa Phú (N1 - đoạn từ QL1A đến đường D1)	DGT	0,88	0,88	Phường Cam Nghĩa	ODT/SXN	50.000.000	
2	Đường Tố Hữu (đoạn từ đường Phạm Văn Đồng đến đường Nguyễn Bình Khiêm)	DGT	0,65	0,65	Phường Cam Thuận	ODT/SXN	40.000.000	
3	Công viên Thống Nhất		2,46	2,46	Phường Cam Linh, phường Cam Thuận	ODT/SXN	40.000.000	
4	Đường Lê Duẩn - đoạn 3 (Từ đường Nguyễn Lương Bằng đến đường Lê Lợi (đường C1))	DGT	18,00		Phường Cam Phú, Cam Phúc Nam, Cam Phúc Bắc		40.000.000	
5	Đầu tư cơ sở hạ tầng chống ngập lụt, xói lở khu dân cư Mỹ Thanh		16,22	16,22	Xã Cam Thịnh Đông			
6	Khắc phục hư hỏng xi phông Hồ Suối Hành, xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh.		1,20	1,20	Xã Cam Phước Đông	SXN		
7	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát kux của 02 hồ chứa nước Suối Hành, Tà Rục		43,06	43,06	Xã Cam Phước Đông		40.000.000	
8	Đường phía bắc sân vận động (đường N3A), (đoạn từ KM0+279.56 – KM0+351.00), phường Cam Nghĩa	DGT	0,23		Phường Cam Nghĩa		40.000.000	
9	Trường Mầm non Cam Nghĩa (điểm mới); Hạng mục: Xây mới 08 phòng học, nhà hành chính, san nền, cổng tường rào, nhà trực, phường Cam Nghĩa	DGD	0,80		Phường Cam Nghĩa		40.000.000	
10	Xây mới Trường THCS Trà Long	DGD	0,48	0,48	Phường Ba Ngòi		40.000.000	
11	Trường Mầm non Cam Phúc Bắc	DGD	1,20		Phường Cam Phúc Bắc		40.000.000	
12	Nhà văn hóa Hòa Diêm		0,47	0,47	Xã Cam Thịnh Đông		40.000.000	
13	Kho cảng xăng dầu Cam Ranh		15,08	15,08	Xã Cam Thịnh Đông		40.000.000	
14	Đất Quốc phòng - Mở rộng đất Sư đoàn 377		22,20	22,20	Phường Cam Phúc Bắc			
15	Khu tái định cư xã Cam Thịnh Tây phục vụ dự án cao tốc Bắc - Nam	ONT	4,70	4,70	Xã Cam Thịnh Tây			

16	Khu tái định cư xã Cam Thịnh Tây phục vụ dự án cao tốc Bắc - Nam	ONT	2,60	2,60	Xã Cam Phước Đông			
17	Các trường hợp dự kiến bố trí tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu dân cư, tái định cư đường Phạm Văn Đồng, phường Cam Phú	ODT	0,44	0,44	Phường Cam Phú			
18	Thửa đất số 332, 333, 334 tờ bản đồ 19, phường Cam Lộc (trường hợp dự kiến giao cho hộ ông Hoàng Kim Thọ, bà Tô Bội Hương)		0,03	0,03	Phường Cam Lộc			
19	Bán đấu giá đất Công ty xuất nhập khẩu cũ (số 44 Nguyễn Trọng Kỳ, phường Cam Linh) chuyển sang đất TMD		0,42	0,42	Phường Cam Linh			
20	Bán đấu giá đất Cơ sở Hội người mù thành phố (số 16 Nguyễn Trọng Kỳ, phường Cam Linh) chuyển sang đất TMD		0,42	0,42	Phường Cam Linh			
21	Bán đấu giá đất Trụ sở cũ hội nông dân (đường Nguyễn Trọng Kỳ, phường Cam Linh) chuyển sang đất TMD		0,18	0,18	Phường Cam Linh			
22	Bán đấu giá đất Rạp chiếu bóng cũ (số 28 Nguyễn Trọng Kỳ, phường Cam Linh) chuyển sang đất TMD		0,08	0,08	Phường Cam Linh			
23	Đất thương mại, dịch vụ (TMD) xã Cam Lập		712,88		xã Cam Lập			
24	Bán đấu giá đất Nhà hàng Mỹ Ca, phường Cam Nghĩa (đất TMD)		0,18	0,18	phường Cam Nghĩa			
25	Đất sân Thể Hải - đất TMD		0,27	0,27	Phường Ba Ngòi			
26	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (công ty Phúc Bình) (thửa số 101, 102, 108, 111 tờ 29)		8,91	8,91	xã Cam Thịnh Đông			
27	Đất ở tại nông thôn (thửa số 25, tờ 43 và thửa số 124 tờ 55)	ODT	0,04	0,04	xã Cam Thịnh Đông			
28	Đất ở tại đô thị (Lô số 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 - Khu dân cư Xi nghiệp đường)	ODT	0,12	0,12	phường Cam Phúc Bắc			
29	Giao đất, cho thuê 01 lô đất tại khu tập thể CTCP chế biến gỗ Cam Ranh		0,01	0,01	phường Ba Ngòi			
30	Bán đấu giá Khu nhà ở tập thể của Công ty thủy tinh Cam Ranh (cũ)-sang đất ODT		0,04	0,04	phường Cam Thuận			
31	Đất ở tại đô thị (Lô số 8, 9 - Khu quy hoạch phân lô khu nhà ở QL1)		0,05	0,05	phường Cam Nghĩa			
32	Đất ở tại đô thị (Khu C: Lô số 9, 10, 11, 12, 13, 14 và Khu F: Lô 11 - Khu dân cư Hòa Do 6A)		0,07	0,07	phường Cam Phúc Bắc			

33	Bán đấu giá Rạp chiếu bóng Cam Phúc cũ, đường Hùng Vương (sang đất ODT)		0,05	0,05	phường Cam Phúc Bắc		
34	Đất ở tại đô thị (thửa số 182 tờ 11 và thửa số 59 tờ 23)		0,03	0,03	phường Cam Phú		
35	Khu nhà ở đường 22/8 - Nguyễn Thái Học: Lô số 23 và số 37 Phan Chu Trinh		0,02	0,02	phường Cam Lộc		
36	Bán đấu giá đất Đài truyền thanh tiếp hình Cam Ranh (cũ) sang đất ODT		0,16	0,16	phường Cam Linh		
37	Cho thuê, đấu giá, bố trí tái định cư 0,3 ha (Khu dân cư phía Nam đường Nguyễn Chí Thanh, phường Cam Nghĩa)		0,3	0,3	phường Cam Nghĩa		
38	Đất ở tại đô thị (Lô đất ông Lê Văn Tập, đường Hùng Vương)		0,01	0,01	phường Cam Lợi		
39	Đất ở tại đô thị (Khu đất khu dân cư Khóm 2 (nay là TDP Thuận Lợi), Lô số 27)		0,02	0,02	phường Cam Thuận		
40	Bán đấu giá nhà số 14, đường Tô Văn Ôn, phường Cam Linh (đất ODT)		0,02	0,02	phường Cam Linh		
41	Đất ở tại đô thị (Diện tích 16,5 m ² tại TDP Linh Thương, Cam Linh (ông Phan Văn Lạc))		0,0017	0,0017	phường Cam Linh		
42	Khu điều chỉnh Quy hoạch phân lô khu phố A và Đ Chợ Cam Lộc (thửa số 252 tờ 17)		0,01	0,01	phường Cam Lộc		
43	Khu Điều chỉnh quy hoạch phân lô TDP Hòa Do 2 (thửa số 210 tờ 51)		0,01	0,01	phường Cam Phúc Bắc		
44	Lô đất TĐC giao cho hộ ông Nguyễn Đăng Ban		0,01	0,01	phường Cam Phú		
45	Lô đất TĐC giao cho hộ ông Huỳnh Bộ (lô giao theo giá thị trường)		0,03	0,03	phường Cam Phú		
46	Lô đất TĐC ông Trần Văn Hương		0,01	0,01	phường Cam Phú		
47	Lô đất TĐC giao cho hộ bà Hồ Thị Thu		0,01	0,01	Phường Ba Ngòi		
48	Lô đất TĐC giao cho hộ ông Lê Tây		0,01	0,01	Phường Ba Ngòi		
49	Lô đất TĐC giao cho hộ ông Nông Lạo		0,01	0,01	phường Cam Lộc		
50	Lô đất TĐC cho ông Đoàn Văn Thạnh (dự kiến)		0,02	0,02	phường Cam Phúc Bắc		
51	Lô đất TĐC ông Nguyễn Văn Hoa, bà Võ Thị Phương (dự kiến)		0,02	0,02	phường Cam Phúc Bắc		
52	Lô đất giao cho bà Lê Thị Hồng Thủy (dự kiến)		0,02	0,02	phường Cam Nghĩa		

53	Lô đất giao cho bà Nguyễn Thị Thanh Hà (dự kiến)		0,01	0,01	phường Cam Nghĩa		
54	Cho thuê mặt bằng khu đất số 115 Nguyễn Trọng Kỳ (thửa 3, 39 từ 24 và thửa 180, 181 từ 21)		0,75	0,75	phường Cam Linh		
55	Giao đất cho bà Nguyễn Thị Phúc Hào (dự kiến)	ONT	0,02	0,02	xã Cam Thành Nam		
56	Giao đất cho ông Lê Thanh Thương (dự kiến)		0,03	0,03	Xã Cam Phước Đông		
57	Đất ở tại đô thị (thửa số 719, từ 72)		0,02	0,02	Phường Cam Nghĩa		
58	Giao đất cho hộ ông Nguyễn Oai (dự kiến)		0,02	0,02	xã Cam Thành Nam		
59	Giao đất cho hộ bà Đỗ Thị Liên (dự kiến)		0,02	0,02	phường Cam Phúc Bắc		
60	Cho thuê đất 5% thông qua đấu giá		65,11	65,11	xã Cam Thịnh Đông		
61	Cho thuê đất 5% thông qua đấu giá		40,74	40,74	xã Cam Phước Đông		
62	Cho thuê đất 5% thông qua đấu giá		10,59	10,59	xã Cam Thành Nam		
63	Cho thuê đất 5% thông qua đấu giá		2,62	2,62	phường Cam Nghĩa		
64	Cho thuê đất 5% thông qua đấu giá		19,56	19,56	phường Cam Phúc Nam		
65	Cho thuê đất 5% thông qua đấu giá		9,75	9,75	phường Cam Phúc Bắc		
66	Cho thuê mặt bằng làm bãi chứa đá thành phẩm của Công ty TNHH Đá Hóa An 1		11,86	11,86	xã Cam Thịnh Đông		
TỔNG CỘNG			1016,24	283,13			450.000.000

Ghi chú: số liệu theo danh mục dự án thực hiện năm 2022 của Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thành phố Cam Ranh phê duyệt tại Quyết định số 2577/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa và dự thảo kế hoạch sử dụng đất 2023 của UBND thành phố Cam Ranh

TỔNG HỢP NHU CẦU CẢN THUÊ TƯ VẤN XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ NĂM 2023 ĐỂ TÍNH BỒI THƯỜNG, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THUỘC ĐỊA BÀN THỊ XÃ NINH HÒA

(Kèm theo Kế hoạch số 668 /KH-STNMT ngày 27/02/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Diện tích Kế hoạch 2023 (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Loại đất thu hồi	Dự toán kinh phí (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đường quy hoạch giao thông TD 16	DGT	1,45	1,45	Xã Ninh Sim		30.000.000	
2	Đường gom thôn Lê Cam - Tân Thủy	DGT	1,28	1,28	Xã Ninh Lộc	SXN	30.000.000	
3	Đường từ nhà ông Trịnh Tiến Khoa đến Tỉnh lộ 1A (đoạn từ Tỉnh lộ 1A đến Lạch Cầu Treo)	DGT	1,06	1,06	Phường Ninh Diêm	SXN	30.000.000	
4	Đường H thuộc khu QH Trung tâm hành chính xã Ninh Thọ	DGT	0,52	0,52	Xã Ninh Thọ			
5	Dự án Gia cố các hầm yếu kết hợp mở mới các ga và cải tạo kiến trúc tầng trên đoạn Vinh - Nha Trang	DGT	0,43	0,43	Phường Ninh Hiệp, xã Ninh Bình			
6	Trường THPT Ninh Sim	DGD	2,04	2,04	Xã Ninh Sim			
7	Xây dựng sân banh Ninh Phú		0,75	0,75	Xã Ninh Phú			
8	Công viên nghĩa trang Ninh Hòa		25,77	25,77	Xã Ninh An			
9	Khu dân cư Ninh Long (chuyển tiếp thu hồi 1 phần) giai đoạn 1, 2 và 3 của dự án 432,53ha)		432,53	432,53	Phường Ninh Đa, xã Ninh Thọ, phường Ninh Diêm		30.000.000	
10	Khu dân cư Ninh Thủy		74,83	74,83	Phường Ninh Thủy		30.000.000	
11	Trung tâm hành chính phường Ninh Diêm		1,10	1,10	Phường Ninh Diêm			
12	Tuyến đường dây đầu nối dự án Điện mặt trời Long Sơn	DNL	0,30	0,3	Xã Ninh Sơn, xã Ninh An, thị xã Ninh Hòa			
13	Dự án XDKD cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Ninh Thủy (trong tổng diện tích 190ha thì còn lại 3,4ha chưa phê duyệt phương án)		2,05	2,05	Tổ dân phố Mỹ Á, phường Ninh Thủy, thị xã Ninh Hòa		30.000.000	

14	Khu du lịch Dốc Lết Phương Mai		55,70	55,7	Phường Ninh Hải, thị xã Ninh Hòa		30.000.000	
15	Khu trung tâm thể thao phường Ninh Hiệp		0,80	0,8	TDP 18 phường Ninh Hiệp			
16	Đường C2 nối dài (Đường vào Trung tâm Hành chính đến đường Lạc Ninh, xã Ninh Thọ)		1,38	1,38	Xã Ninh Thọ			
17	Quảng trường 2/4 thị xã Ninh Hòa		2,41	2,41	Phường Ninh Hiệp		30.000.000	
18	Trường mầm non Ninh Sim		0,86	0,86	Xã Ninh Sơn			
19	Đường Minh Mạng (giai đoạn 2)		5,0	5,0	Phường Ninh Hiệp			
20	Khu tái định cư Minh Mạng		2,44	2,44			30.000.000	
21	Khu tái định cư Trần Quý Cáp Ninh Hòa		3,21	3,21	Phường Ninh Hiệp		30.000.000	
22	Dự án xây dựng Cầu Sáu		0,4	0,4	Xã Ninh Quang, xã Ninh Hưng			
23	Đê kè chống xói lở 2 bờ sông, lạch Cầu treo và khơi thông dòng chảy (đoạn cầu Bá Hà đến Cầu treo)		13,3	13,3	Phường Ninh Diêm, phường Ninh Thủy			
24	Kè, đập ngăn mặn Sông Đá Hàn		16,6	16,6	Phường Ninh Đa, xã Ninh Phú		30.000.000	
25	Đường vào nghĩa trang Liệt sỹ Ninh Hòa-Vạn Ninh		0,3	0,3	Xã Ninh An			
26	Nâng cấp mở rộng đường Ninh Hiệp-Ninh Bình, đoạn từ đường Trần Quý Cáp đến giáp đường liên xã Bình-Quang-Hưng		0,44	0,44	Phường Ninh Hiệp, xã Ninh Bình			
27	Đường cơ động và bến cập tàu xã Ninh Vân		10,08	10,08	Xã Ninh Vân		30.000.000	
28	Trạm biếp áp 220kV Vân Phong (bổ sung 2000m2 mở rộng đường dân sinh)		0,2	0,2	Xã Ninh An			
29	Kè khắc phục sạt lở bờ sông Tân Lâm		1,8	1,8	xã Ninh Thân			
30	Mở rộng hồ chôn rác thải sinh hoạt tại Bãi rác Hòn Rọ, thôn Ninh Ích, xã Ninh An, thị xã Ninh Hòa		3,02	3,02	Xã Ninh An			

32	Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuật giai đoạn 1		345,2	345,2	phường Ninh Đa, các xã Ninh Đông, Ninh Trung, Ninh Thân, Ninh Thượng, Ninh Xuân, Ninh Sim, Ninh Tây			
33	Dự án thành phần đoạn Vân Phong - Nha Trang thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025 (đoạn đi qua địa bàn thị xã Ninh Hòa)		199,30	199,30	xã Ninh An, Ninh Sơn, Ninh Trung, Ninh Thân, Ninh Xuân, Ninh Bình, Ninh Quang, Ninh Tân			
34	Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT652B và ĐT 652D (đoạn từ đường ĐT 652 đến Quốc lộ 26 B),		24,30	24,30	phường Ninh Hải, Ninh Diêm, Ninh Thủy			
35	Nâng cấp cải tạo QL 26 các đoạn còn lại chưa đầu tư trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà (đoạn Km 15+350 đến Km 31+255), qua xã Ninh Sim và Ninh Tây; Diện tích: 29,48 h		29,50	29,50	Xã Ninh Sim, Ninh Tây			
36	Khu tái định cư Hà Thanh		11,50	11,50	phường Ninh Đa		30.000.000	
37	Bán đấu giá Khu dân cư Thanh Châu 2, phường Ninh Giang (26 lô)	ODT	0,41022	0,41022	phường Ninh Giang			
38	Bán đấu giá Khu quy hoạch phân lô chi tiết (tỷ lệ 1/500) Khu dân cư phường Ninh Diêm (06 lô)	ODT	0,10498	0,10498	phường Ninh Diêm			
39	Bán đấu giá Khu dân cư Thanh Châu 2, phường Ninh Giang (14 lô)	ODT	0,23906	0,23906	phường Ninh Giang			
40	Bán đấu giá Khu quy hoạch phân lô chi tiết (tỷ lệ 1/500) khu dân cư thôn Vĩnh Thạnh khu 1, xã Ninh Trung (Vĩnh Thạnh 24 lô)	ODT	0,50579	0,50579	Xã Ninh Trung			
41	Bán đấu giá Khu quy hoạch phân lô chi tiết (tỷ lệ 1/500) Khu dân cư thôn Vĩnh Thạnh khu 2, xã Ninh Trung (Vĩnh Thạnh - 06 lô)	ODT	0,16	0,16	Xã Ninh Trung			

42	Bán Đấu giá Khu Quy hoạch phân lô chi tiết (tỷ lệ 1/500) khu dân cư xã Ninh Phụng (201ô) (thôn Xuân Hòa 1)	ODT	0,3772	0,3772	xã Ninh Phụng			
43	Bán Đấu giá khu Quy hoạch phân lô chi tiết (tỷ lệ 1/500) khu dân cư xã Ninh Quang (Thôn Phú Hòa khu 4; Thôn Thạnh Mỹ khu 7; Thạch Thành khu 9; Phước lộc khu 14)	ODT	0,5249	0,5249	xã Ninh Quang			
44	Bán Đấu giá khu Quy hoạch phân lô chi tiết (tỷ lệ 1/500) khu dân cư thôn Ngọc Diêm, xã Ninh Ích (30 lô)	ODT	0,60680	0,60680	xã Ninh Ích			
45	Bán Đấu giá khu quy hoạch phân lô chi tiết (tỷ lệ 1/500) khu dân cư tổ DP Vạn Thiện, Phước Đa 1, Mỹ Lệ, phường Ninh Đa (80 lô)	ODT	0,49369	0,49369	phường Ninh Đa			
46	Bán Đấu giá khu quy hoạch phân lô chi tiết (tỷ lệ 1/500) khu dân cư thôn Tân Phong, xã Ninh Xuân (Tân Phong - 24 lô)	ODT	0,84829	0,84829	xã Ninh Xuân			
47	Bán Đấu giá khu quy hoạch phân lô chi tiết (tỷ lệ 1/500) khu dân cư tổ DP 3, phường Ninh Hiệp (09 lô)	ODT	0,12143	0,12143	phường Ninh Hiệp			
48	Bán Đấu giá khu quy hoạch phân lô chi tiết (tỷ lệ 1/500) khu dân cư thôn Tân Khê, xã Ninh Lộc (Tân Khê - 22 lô)	ODT	0,36126	0,36126	xã Ninh Lộc			
49	Bán đấu giá khu quy hoạch phân lô chi tiết (tỷ lệ 1/500) khu dân cư Phú Thạnh-24 lô	ODT	1,11	1,11	phường Ninh Thủy			
50	Xây giá bán đấu giá 06 lô đất dôi dư trên địa bàn phường Ninh Hiệp	ODT	0,1100	0,1100	phường Ninh Hiệp			
51	Các lô đất dôi dư (tỷ lệ 1/500) tại phường Ninh Hiệp và Ninh Diêm	ODT	0,07	0,07	Phường Ninh Hiệp - Ninh Diêm			
52	Các lô đất dôi dư (tỷ lệ 1/500) của dự án đường Bắc Nam (GĐ II)	ODT	0,05	0,05	Phường Ninh Hiệp			
53	Các lô đất dôi dư (tỷ lệ 1/500) của dự án đường Sông Cạn	ODT	0,14	0,14	Phường Ninh Hiệp			
54	Cho thuê đất thông qua đấu giá	SKC	0,0831	0,0831	Phường Ninh Hiệp			
TỔNG CỘNG			1.278,2	1.278,2			390.000.000	

Ghi chú: Số liệu theo danh mục dự án thực hiện năm 2022 của Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thị xã Ninh Hòa phê duyệt tại Quyết định số 2529/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa; dự thảo kế hoạch sử dụng đất 2023 Thị xã Ninh Hòa

TỔNG HỢP NHU CẦU CÀN THUÊ TƯ VẤN XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ NĂM 2023 ĐỂ TÍNH BỒI THƯỜNG, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THUỘC ĐỊA BÀN HUYỆN DIÊN KHÁNH

(Kèm theo Kế hoạch số 668 /KH-STNMT ngày 27/02/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Diện tích Kế hoạch 2023 (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Loại đất thu hồi	Dự toán kinh phí (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Nâng cấp kênh tiêu Bàu Máng	DTL	8,15	8,15	xã Diên Điền, xã Diên Phú và TT. Diên Khánh	đất nông nghiệp	30.000.000	
2	Đường từ QL1A đến cầu Hội Xương	DGT	0,63	0,63	Suối Hiệp	đất ở/đất nông nghiệp		
3	Nút giao phía Nam cầu Sông Chò	DGT	0,20	0,20	xã Diên Xuân	đất ở/đất nông nghiệp		
4	Đường Trần Quang Khải	DGT	0,55	0,55	TT. Diên Khánh	đất ở/đất nông nghiệp	30.000.000	
5	Mở rộng Hương lộ 5 (từ Tỉnh lộ 8 - Am Chúa)	DGT	8,82	8,82	xã Diên Điền, Diên Sơn	đất ở/đất nông nghiệp		
6	Tiêu thoát lũ các xã Diên Sơn- Diên Điền- Diên Phú, huyện Diên Khánh	DTL	25,56	25,56	xã Diên Sơn, xã Diên Điền, xã Diên Phú	đất nông nghiệp		
7	Khu tái định cư xã Diên Phú	ONT	1,66	1,66	xã Diên Phú	đất nông nghiệp		
8	Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư xã Bình Lộc	ONT	0,86	0,86	xã Bình Lộc	đất nông nghiệp		
9	Cầu Muong Quan, xã Diên Phú	DGT	1,80	1,80	xã Diên Phú	đất ở/đất nông nghiệp		
10	Đường D1 (từ Tỉnh lộ 2 - Quốc lộ 27C)	DGT	3,86	3,86	xã Diên Lạc	đất nông nghiệp		
11	Đường nối Diên Lộc- Diên Bình	DGT	7,64	7,64	xã Bình Lộc	đất ở/đất nông nghiệp	30.000.000	
12	Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư xã Diên Lạc	ONT	1,20	1,20	xã Diên Lạc	đất ở/đất nông nghiệp	30.000.000	
13	Khai thác Granite làm ốp lát tại khu vực Hòn Chuông, xã Suối Tiên	SKS	9,55	9,55	xã Suối Tiên	đất nông nghiệp	30.000.000	

14	Khu dân cư và tái định cư Diên An (trong đó có Trung tâm dịch vụ và thương mại)	ONT	11,50	11,50	xã Diên An	đất ở/đất nông nghiệp	30.000.000	
15	Cụm công nghiệp Diên Thọ	SKN	22,20	22,20	xã Diên Thọ	đất ở/đất nông nghiệp	30.000.000	
16	Đường bộ cao tốc Đường cao tốc Bắc Nam (đoạn Vân Phong - Nha Trang thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía đông giai đoạn 2021-2025 (đoạn đi qua địa bàn huyện Diên Khánh)	DGT	124,02	124,02	xã Diên Thọ, xã Diên Đồng và Diên Xuân	đất ở/đất nông nghiệp		
17	Hạng mục: Điều chỉnh, bổ sung cấm cọc GPMB phạm vi cầu Suối Tiên Km11+630.78, Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Nha Trang - Cam Lâm thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam giai đoạn 2017-2020	DGT	0,34	0,34	xã Suối Tiên			
18	Hạng mục: Điều chỉnh cấm cọc GPMB nút giao QL27C, Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Nha Trang - Cam Lâm thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam giai đoạn 2017-2020	DGT	2,69	2,69	xã Diên Thọ			
19	Hạng mục: Xử lý giao chéo đường dây 110kV Sông Giang (VT56-VT57) với đường bộ cao tốc Bắc - Nam đoạn Vân Phong - Nha Trang	DGT	0,04	0,04	xã Diên Thọ			
20	Hạng mục: Xử lý giao chéo đường dây 220kV Nha Trang - Tháp Chàm với đường bộ cao tốc Bắc - Nam đoạn Vân Phong - Nha Trang							
21	Hạng mục: Xử lý giao chéo đường dây 110kV Sông Giang (VT89-VT80) tại nhánh nút giao QL27C đoạn Nha Trang - Cam Lâm	DGT	0,02	0,02	xã Diên Thọ			
22	Khai thác đá Granite làm ốp lát	SKS	18,80	18,80	xã Diên Tân	đất nông nghiệp	30.000.000	
23	Kè và đường dọc bờ nam sông Cái, đoạn qua xã Diên An, huyện Diên Khánh	DGT	9,90	9,90	xã Diên An, TT Diên Khánh	đất ở/đất nông nghiệp		
24	Đường Trần Bình Trọng	DGT	0,65	0,65	TT. Diên Khánh	đất ở/đất nông nghiệp	30.000.000	

25	Đường Huỳnh Thúc Kháng (đoạn từ QL1A qua tuyến tránh đến đường Võ Nguyên Giáp)	DGT	3,48	3,48	xã Diên An, xã Diên Toàn			
26	Kè và đường dọc sông Nhánh nối sông Cái và sông Đồng Đen (gđ 2)	DGT	10,16	10,16	xã Diên An, xã Diên Toàn	đất ở/đất nông nghiệp	30.000.000	
27	Đường từ chợ Hội Xương đến sông Kinh, xã Suối Hiệp	DGT	0,61	0,61	xã Suối Hiệp	đất ở/đất nông nghiệp	30.000.000	
28	Đường số 10 (từ đường Tỉnh lộ 2 đến đường Hương lộ 39).	DGT	5,71	5,71	xã Diên Phước	đất ở/đất nông nghiệp		
29	Đường số 11 (từ đường Tỉnh lộ 2 đến đường số 01).	DGT	1,97	1,97	xã Diên Phước	đất ở/đất nông nghiệp		
30	Đường nội đồng giáp Cụm công nghiệp Diên Phú	DGT	0,22	0,22	xã Diên Phú		30.000.000	
31	Đường số 3 (đường An Định - Tỉnh lộ 2)	DGT	1,80	1,80	xã Diên Phước			
32	Cải tạo đường dây 110kV Nha Trang - Diên Khánh - Suối Dầu	DNL	0,43	0,43	xã Diên Phú xã Diên An xã Diên Toàn xã Diên Thạnh xã Suối Hiệp	đất nông nghiệp		
33	Di dời kênh mương tưới tiêu (bổ sung diện tích)	DTL	0,30	0,30	xã Diên Phú, xã Diên Điền	đất nông nghiệp		
34	Nhà máy nước Sơn Thạnh (công trình thu và trạm bơm nước thô; nhà máy nước)	DTL	5,54	5,54	xã Diên Thọ	đất ở/đất nông nghiệp		
35	Trường trung cấp nghề Diên Khánh (đã bổ sung đường giao thông)	DGD	2,27	2,27	xã Diên Lạc, xã Diên Thạnh	đất nông nghiệp	30.000.000	
36	Trùng tu Thành cổ Diên Khánh	DDT	17,00	17,00	TT. Diên Khánh	đất ở/đất nông nghiệp		
37	Mở rộng nghĩa trang thôn Xuân Trung	NTD	0,50	0,50	xã Diên Xuân	đất nông nghiệp		
38	Bãi rác thôn Xuân Trung	DRA	0,30	0,30	xã Diên Xuân	đất nông nghiệp		
39	Công viên Văn Miếu	DKV	1,10	1,10	TT. Diên Khánh	đất nông nghiệp		
40	Khu tái định cư xã Diên Sơn	ONT	1,50	1,50	xã Diên Sơn	đất nông nghiệp		
41	Khu tái định cư xã Diên An	ONT	2,30	2,30	xã Diên An	đất nông nghiệp	30.000.000	
42	Khu tái định cư xã Diên Toàn	ONT	1,50	1,50	xã Diên Toàn	đất nông nghiệp	30.000.000	

43	Khu tái định cư đường N3	ONT	0,25	0,25	xã Diên Lạc		30.000.000	
44	Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư xã Diên Đồng	ONT	1,37	1,37	xã Diên Đồng		30.000.000	
45	Khai thác đá Granit làm ốp lát khu vực Cây Sung 3, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh	SKS	19,55	19,55	xã Diên Tân			
46	Đầu tư xây dựng công trình khai thác đá Granit làm ốp lát tại khu vực thôn Đánh Thạnh, xã Bình Lộc, huyện Diên Khánh	SKS	15,63	15,63	xã Bình Lộc			
47	Mỏ đá san lấp xã Diên Thọ (dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam)	SKX	15,00	15,00	xã Diên Thọ			
48	Mỏ đá san lấp xã Diên Đồng (dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam)	SKX	12,00	12,00	xã Diên Đồng			
49	Mỏ đá san lấp xã Diên Đồng (dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam)	SKX	8,30	8,30	xã Diên Xuân			
50	Nâng cấp đường qua UBND xã Diên Sơn (Đoạn Tỉnh lộ 8 - Ngã tư Nhà Vương - cầu Đồng Lợi)	DGT	3,02	3,02	Xã Diên Sơn	Đất ở/đất nông nghiệp		
51	Hệ thống kênh tưới nội đồng vùng ruộng Trảng Găng	DTL	2,88	2,88	Xã Diên Sơn	Đất ở/đất nông nghiệp	30.000.000	
52	Nâng cấp kênh tưới B14	DTL	1,60	1,60	Xã Suối Tiên, xã Bình Lộc	Đất ở/đất nông nghiệp	30.000.000	
53	Trường Tiểu học Suối Hiệp	DGD	1,58	1,58	xã Suối Hiệp	Đất ở/đất nông nghiệp	30.000.000	
54	Đường Tỉnh lộ 2 (ĐT.653), đoạn từ cầu Hà Dừa đến Cầu đôi	DGT	0,02	0,02	xã Diên Lạc		30.000.000	
55	Đấu giá giao quyền sử dụng đất ở xã Diên Sơn (thửa số 3, 4, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 63, 65, 66, 67, 68, 69, 70, 138, 139, 140, 141, 142, 143, 144, 145, 165, 709, 688 tờ bđ 17; 926, 927 tờ bđ số 13; 444 tờ bđ số 16)	ONT	3,56	3,56	xã Diên Sơn			
56	Đấu giá giao quyền sử dụng đất ở khu đồng Cây Me, xã Diên Hòa (thửa 92, 93, 96, 97, 98, 99, 100, 101, 142, 143, 144, 145, 642 tờ BĐ 14)	ONT	0,34	0,34	xã Diên Hòa			
57	Đấu giá đất ở có thu tiền xen kẽ trong KDC thôn Hội Phước và thôn Nghiệp Thành, xã Bình Lộc (thửa 89, 90, 91, 92, 445, 446 tờ BĐ 5 (16))	ONT	0,24	0,24	xã Bình Lộc			

58	Đầu giá đất ở phân lô có thu tiền khu Lò gạch, thôn Lương Phước, xã Bình Lộc (thửa 799, 800, 801,802,809 -> 821,823,889->897, tờ BĐ 5 (16))	ONT	1,98	1,98	xã Bình Lộc			
59	Đầu giá đất ở có thu tiền xen kẽ trong khu dân cư thôn Mỹ Lộc và thôn Đảnh Thạnh, xã Bình Lộc (thửa 523->527,529->531, 641,376 tờ BĐ 3; thửa 732 tờ BĐ 03)	ONT	0,68	0,68	xã Bình Lộc			
60	Đầu giá đất ở có thu tiền vùng ruộng Thao Càng thôn Mỹ Lộc, xã Bình Lộc (thửa số 1->5, 64->78, 149 tờ BĐ 3)	ONT	1,17	1,17	xã Bình Lộc			
61	Đầu giá QSDĐ khu dân cư Gò Mã Đông, Thôn 4, xã Diên Phú (thửa số 274 tờ BĐ 6)	ONT	0,13	0,13	xã Diên Phú			
62	Đầu giá QSDĐ khu đất ao ông Chính, Thôn 4, xã Diên Phú (thửa số 538, 553 tờ BĐ 6)	ONT	0,12	0,12	xã Diên Phú			
63	Đầu giá QSDĐ khu đất trường Tiểu học Phú Ân Bắc B cũ, thôn 2, xã Diên Phú (thửa số 772,773 tờ BĐ 7)	ONT	0,17	0,17	xã Diên Phú			
64	Đầu giá QSDĐ Mẫu giáo cũ, thôn Hội Xương, xã Suối Hiệp (thửa 42 tờ bản đồ 44 thôn Hội Xương)	ONT	0,03	0,03	xã Suối Hiệp			
65	Khu dân cư phân lô xã Suối Hiệp (thửa số 395 tờ bản đồ 5 thôn Thủy Xương)	ONT	0,15	0,15	xã Suối Hiệp			
66	Khu dân cư phân lô Sân bóng cũ thôn Cư Thạnh, xã Suối Hiệp (thửa số 354 tờ bản đồ 27)	ONT	0,68	0,68	xã Suối Hiệp			
67	Đầu giá QSDĐ khu phân lô Phan Ba, ông Đông, xã Diên Toàn (thửa 1510, 1553 tờ 01)	ONT	0,03	0,03	xã Diên Toàn			
68	Khu tái định cư Diên Toàn (dự án mở rộng Quốc lộ 1A)	ONT	0,045	0,045	xã Diên Toàn			
69	Khu tái định cư Phú Lộc Đông 2 (dự án Kè chống sạt lở bờ bắc Sông Cái)	ODT	0,14	0,14	TT. Diên Khánh			
70	Khu tái định cư Bầu Gáo (thuộc dự án Kè chống Sạt lở bờ Bắc thị trấn Diên Khánh)	ODT	1,4	1,4	TT. Diên Khánh			
71	Khu tái định cư đường D6 tỷ lệ 1/500 (thuộc dự án đường D6 đoạn tỉnh lộ 2 - Quốc lộ 27C)	ONT	0,1	0,1	xã Diên Lạc			
72	Khu tái định cư xã Diên Lạc 1/500 (dự án đường tỉnh lộ 2)	ONT	0,16	0,16	xã Diên Lạc			

73	Khu tái định cư xã Diên Phước 1/500 (đự án đường Tỉnh lộ 2)	ONT	0,17	0,17	xã Diên Phước			
74	Khu tái định cư Diên Hòa (dự án: Nâng cấp đường Hương lộ 39, xã Diên Hòa)	ONT	0,13	0,13	xã Diên Hòa			
75	Khu tái định cư xã Suối Tiên (dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam)	ONT	0,33	0,33	xã Suối Tiên			
76	Khu dân cư và tái định cư Nam Sông Cái	ODT	1,18	1,18	TT. Diên Khánh		30.000.000	
77	Khu tái định cư Phú Ân Nam 2 thuộc dự án khu dân cư và dịch vụ Diên An theo bản đồ quy hoạch 1/500 xã Diên An	ONT	0,025	0,025	xã Diên An		30.000.000	
78	Khu tái định cư thuộc dự án khu dân cư và dịch vụ Diên An theo bản đồ quy hoạch 1/500 xã Diên An	ONT	0,76	0,76	xã Diên An		30.000.000	
79	Khu tái định cư Sân Bóng Cầu Mới (thuộc dự án Cầu Phú Lộc qua sông Cái) tỷ lệ 1/500	ODT	0,064	0,064	TT. Diên Khánh		30.000.000	
80	Khu tái định cư xã Suối Hiệp (mở rộng Quốc lộ 1A)	ONT	0,13	0,13	xã Suối Hiệp		30.000.000	
81	Khu tái định cư Thành cổ Diên Khánh	ONT	0,6	0,6	xã Diên Toàn		30.000.000	
TỔNG CỘNG			413,04	413,04			810.000.000	

Ghi chú: Số liệu theo danh mục dự án thực hiện năm 2022 của Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Diên Khánh phê duyệt tại Quyết định số 2530/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa; dự thảo Kế hoạch sử dụng đất 2023 huyện Diên Khánh

TỔNG HỢP NHU CẦU CẦN THUÊ TƯ VẤN XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ NĂM 2023 ĐỂ TÍNH BỒI THƯỜNG, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THUỘC ĐỊA BÀN HUYỆN CAM LÂM

(Kèm theo Kế hoạch số 668 /KH-STNMT ngày 27/02/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Diện tích Kế hoạch 2023 (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Loại đất thu hồi	Dự toán kinh phí (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đường Tỉnh lộ 3	DGT	7,60	7,60	xã Suối Cát, Suối Tân			
2	Khu dân cư và tái định cư N4		3,00	3,00	xã Cam Hải Đông		40.000.000	
3	Hoàn vốn cho dự án BT hệ thống thoát nước mưa		29,11	29,11	xã Cam Hải Đông		40.000.000	
4	Hoàn vốn cho dự án BT hệ thống đường nhánh		96,30	96,30	xã Cam Hải Đông		40.000.000	
5	Nhà nghỉ dưỡng 378 – Bộ Công an		1,40	1,40	xã Cam Hải Đông		40.000.000	
6	Đường Nguyễn Chí Thanh	DGT	0,69	0,69	thị trấn Cam Đức			
7	Cụm Công nghiệp Tráng É (cụm 2) giai đoạn 2		19,20	19,20	xã Suối Cát, Suối Tân			
8	Khu nghỉ mát Hoàng Gia		60,50	60,50	xã Cam Hải Đông		40.000.000	
9	Nhà máy điện mặt trời điện lực miền Trung	DNL	2,75	2,75	xã Cam An Bắc		40.000.000	
10	Tuyến đường dây 110 kV đấu nối Nhà máy điện mặt trời Trung Sơn	DNL	0,25	0,25	Các xã Cam An Bắc, Cam An Nam, Cam Thành Bắc		40.000.000	
11	Di dời lưới điện cao thế 110KV thuộc dự án Đường cao tốc Bắc - Nam		0,16	0,16	thị trấn Cam Đức, xã Suối Cát		40.000.000	
12	Di dời lưới điện cao thế 220KV thuộc dự án Đường cao tốc Bắc - Nam		0,10	0,10	xã Suối Tân, Cam Tân		40.000.000	
13	Đường dây 110Kv thuộc Nhà máy điện mặt trời KN Cam Lâm	DNL	0,38	0,38	Các xã Cam Thành Bắc, Cam An Bắc, Cam An Nam, Cam Hiệp Nam		40.000.000	
14	Hệ thống kênh chính thuộc Hồ chứa nước Tà Rục		0,27	0,27	xã Cam An Bắc, Cam Phước Tây		40.000.000	
15	Xây dựng dải cây xanh và phục vụ mục đích công cộng (phía Tây)		0,42	0,42	xã Cam Hải Đông		40.000.000	

16	Đường dây 220kV Nha Trang - Tháp Chàm	DNL	0,28	0,28	Các xã Cam Phước Tây, Cam An Bắc, Suối Cát			
17	Trạm biến áp 220kV Cam Ranh và đường dây 220kV đấu nối	DNL	0,27	0,27	xã Cam Hiệp Nam, Cam An Bắc			
18	Nâng cao khả năng mang tải đường dây 110kV Suối Dầu - Cam Ranh		0,04	0,04	xã Suối Tân, Cam Hòa, Cam Hải Tây			
19	Di dời lưới điện trung hạ áp thuộc dự án Đường Cao tốc Bắc - Nam đoạn qua huyện Cam Lâm		0,13	0,13	Các xã Cam Phước Tây, Cam Hòa, Cam Tân, Suối Tân, Suối Cát, thị trấn Cam Đức			
20	Mở rộng, cải tạo một số vị trí đường cong nằm trên đường đèo Khánh Sơn (đường tỉnh lộ 9)		1,28	1,28	xã Cam Phước Tây		40.000.000	
21	Cào tạo đường dây 110kV Nha Trang - Diên Khánh - Suối Dầu		0,24	0,24	xã Suối Tân, Suối Cát			
22	Đường cao tốc Bắc Nam (phía đông)	DGT	0,11	0,11	xã Cam An Bắc, Cam Phước Tây			
23	Giá đất TĐC tại thửa 65,66 tờ bản đồ số 23	ONT	0,0381	0,0381	xã Suối Cát			
24	Giá đất tái định cư tại Khu dân cư và tái định cư N3 cho dự án Đường Cao tốc Bắc Nam	ONT	0,16	0,16	xã Cam Hải Đông			
25	Giá đất tái định cư tại Khu dân cư và tái định cư N3 cho dự án tại khu bắc bán đảo Cam Ranh, xã Cam Hải Đông	ONT	0,1587	0,1587	xã Cam Hải Đông			
26	Giá đất tái định cư Bãi Giếng 1, thị trấn Cam Đức	ODT	0,14	0,14	thị trấn Cam Đức			
27	Giá đất tái định cư thôn Đồng Cau, xã Suối Tân	ONT	0,62122	0,62122	xã Suối Tân			
28	Giá đất tái định cư thôn Tân Lập, xã Cam Phước Tây	ONT	1,57345	1,57345	xã Cam Phước Tây			
TỔNG CỘNG			227,15	227,15			520.000.000	

Ghi chú: Số liệu theo danh mục dự án thực hiện năm 2022 của Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Cam Lâm phê duyệt tại Quyết định số 2733/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa; dự thảo kế hoạch sử dụng đất 2023 của huyện Cam Lâm

TỔNG HỢP NHU CẦU CÀN THUÊ TƯ VẤN XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ NĂM 2023 ĐỂ TÍNH BỒI THƯỜNG, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THUỘC ĐỊA BÀN HUYỆN VẠN NINH

(Kèm theo Kế hoạch số 668 /KH-STNMT ngày 27/10/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Diện tích Kế hoạch 2023 (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Loại đất thu hồi	Dự toán kinh phí (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 đoạn Văn Phong - Nha Trang (gồm đường cao tốc và các công trình liên quan)	DGT	256,89	256,89	Vạn Hưng, Vạn Lương, Vạn Phú, Vạn Bình, Vạn Thắng, Vạn Khánh, Vạn Phước, Vạn Thọ	LUC, LUK, HNK, CLN, RSX, NTS, PNN, CSD		
2	Khu TĐC đường 2-9 Vạn Phước (GĐ1 phục vụ Cao Tốc Bắc - Nam)	ONT	3,50	3,50	Xã Vạn Phước	LUC, CLN, ONT		
3	Khu tái định cư ruộng Vong - Trắc Tre (Phục vụ Cao Tốc Bắc - Nam)	ONT	9,23	9,23	Xã Vạn Phú	LUC, CLN, DTL, ONT		
4	Khu TĐC Ninh Mã - Vạn Thọ (GĐ1 Phục vụ Cao Tốc Bắc - Nam)	ONT	6,69	6,69	Xã Vạn Thọ	LUC, LUK, HNK		
5	Đường Hà Huy Tập (Đoạn từ chợ đến Lê Hồng Phong đoạn 4) LG 16m	DGT	0,49	0,49	Vạn Giã	ODT, SXN	50.000.000	
6	Đường ĐX1 (đoạn từ Hải Thượng Lãn Ông đến đường Lê Lợi và đoạn từ đường quy hoạch Huỳnh Thúc Kháng đến Phan Bội Châu)	DGT	0,58	0,58	Vạn Giã	ODT, SXN	50.000.000	
7	Đường Hải Thượng Lãn Ông (nối tiếp đường BT nhựa đến đường Lý Thái Tổ)	DGT	0,25	0,25	Vạn Giã	ODT, SXN	50.000.000	
8	Kè bờ biển thị trấn Vạn Giã (giai đoạn 2)	DTL	6,20	6,20	Vạn Giã	ODT, SXN	50.000.000	
9	Xây dựng cầu Huyện 2 và đường dẫn	DGT	3,19	3,19	Vạn Giã, Vạn Thắng	ODT, SXN	50.000.000	
10	Kè chắn sóng bờ biển bảo vệ Khu dân cư Phú Hội 2, xã Vạn Thắng	DTL	1,38	1,38	Vạn Thắng	ODT, SXN	50.000.000	
11	Kè bờ tả, hữu sông Tô Giang đoạn từ Quốc lộ 1A đến đập Hải Triều, xã Vạn Phước	DTL	0,90	0,90	Vạn Phước, Vạn Long	ONT, CLN, HNK	50.000.000	
12	Trường THPT Bắc Vạn Ninh	DGD	1,99	1,99	Vạn Thọ	ONT, CLN, HNK, LUK	50.000.000	
13	Mở rộng diện tích trụ sở UBND xã Đại Lãnh	TSC	0,01	0,01	Đại Lãnh	ONT		

14	Nghĩa địa Bắc Vân Phong (thực hiện 01 phần phục vụ giải tỏa thi công đường Cao tốc phía Đông đoạn Nha Trang - Vân Phong)	NTD	3,00	3,00	Xã Vạn Khánh	LUC; RSX; CSD		
15	Di dời và tái định cư khu vực phía Đông đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Vạn Giã:	ODT ONT	5,60	5,60			50.000.000	
	Khu 1: Khu dân cư phía Tây Nam thị trấn Vạn Giã	ODT	4,80	4,80	TT Vạn Giã	LUC, CLN, NTS, DGT, ODT		
	Khu 2: Khu dân cư địa Ông Cừ, xã Vạn Thắng	ONT	0,80	0,80	Xã Vạn Thắng	NTS		
16	Kè chống sạt lở hai bên sông Tô Giang (đoạn từ hạ lưu kè Tân Phước đến đập Hải Triều)	DTL	2,20	2,20	Xã Vạn Phước	HNK, DGT, SON	50.000.000	
17	Khu công nghiệp Dốc Đá Trắng (tổng diện tích 300 ha nằm trên ranh giới huyện Vạn Ninh và thị xã Ninh Hòa)	SKK	242,90	242,90	Xã Vạn Hưng	HNK,CLN, RSX,ONT	50.000.000	
18	Đường giao thông ngoài Cảng trung chuyển quốc tế Vân Phong (Phần thu hồi bổ sung) - Tổng diện tích 30 ha	DGT	5,95	5,95	Xã Vạn Thạnh	CSD, ONT, BHK, RSX, SKS	50.000.000	
19	Cầu Huyện từ Vạn Giã đi Vạn Thắng (trên trục đường Nguyễn Huệ)	DGT	0,40	0,40	Xã Vạn Thắng, TT Vạn Giã	ONT, CLN, NTS	50.000.000	
20	TBA 110kV Vạn Ninh 2 và đấu nối	DNL	0,84	0,84	Xã Vạn Hưng	ONT, RSX, CLN, HNK		
21	Hệ thống cấp nước xã Đại Lãnh	DTL	0,97	0,97	Xã Đại Lãnh	ONT, CLN		
22	Đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ granit tầng lăn làm ốp lát tại khu vực Tân Dân 2, xã Vạn Khánh (Tổng ranh dự án 22,22 ha)	SKX	20,03	20,03	Xã Vạn Khánh	SKX SKC	50.000.000	
23	Dự án đầu tư khai thác mỏ đá granit tầng lăn làm ốp lát tại khu Tân Dân, xã Vạn Thắng, huyện Vạn Ninh (Tổng ranh dự án 24,82 ha)	SKX	22,28	22,28	Xã Vạn Thắng	RSX; CSD; HNK; CLN	50.000.000	
24	Tuyến đường dây đấu nối 110KV KN Vạn Ninh - Nhà máy điện mặt trời KN Vạn Ninh	DNL	0,02	0,02	Xã Vạn Hưng	RSX	50.000.000	
TỔNG CỘNG			601,09	601,09			800.000.000	

Ghi chú: Số liệu theo danh mục dự án thực hiện năm 2022 của Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Vạn Ninh phê duyệt tại Quyết định số 2578/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa; dự thảo kế hoạch sử dụng đất 2023 huyện Vạn Ninh

TỔNG HỢP NHU CẦU CÀN THUÊ TƯ VẤN XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ NĂM 2023 ĐỂ TÍNH BÒI THƯỜNG, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THUỘC ĐỊA BÀN HUYỆN KHÁNH SƠN

(Kèm theo Kế hoạch số 668 /KH-STNMT ngày 27/12/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Diện tích Kế hoạch 2023 (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Loại đất thu hồi	Dự toán kinh phí (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đường từ cầu tràn Suối Lớn xã Ba Cùm Nam đến xã Ba Cùm Bắc	DGT	8,5	8,5	xã Ba Cùm Bắc, xã Ba Cùm Nam		30.000.000	
2	Đường Đinh Tiên Hoàng	DGT	6,0	6,0	Thị trấn Tô Hạp		30.000.000	
3	Đường Bo Bo Dương đến ruộng suối Sóc	DGT	0,26	0,26	xã Sơn Bình			
4	Đường vào khu sản xuất Apa II	DGT	0,21	0,21	xã Thành Sơn		30.000.000	
5	Đường BTXM từ nhà ông Huỳnh Thanh Y đi tới rẫy ông Máu Xét (GDD1)	DGT	0,54	0,54	xã Ba Cùm Nam			
6	Nâng cấp mở rộng đường ven sông Tô Hạp (GDD1)	DGT	1,00	1,00	Thị trấn Tô Hạp		30.000.000	
7	Nâng cấp đường Trần Bình Trọng	DGT	2,50	2,50	Thị trấn Tô Hạp		30.000.000	
8	Bến xe huyện Khánh Sơn		1,50	1,50	xã Ba Cùm Bắc		30.000.000	
9	Đường vào Khu sản xuất suối Đầu Bò	DGT	0,34	0,34	xã Ba Cùm Nam			
10	Làm mới đường trục thôn (LG 6m)(Cầu tràn Suối Lớn-Cầu Hòn Gầm)	DGT	0,15	0,15	Xã Ba Cùm Nam			
11	Đường nội đồng thôn Ka Tô (LG 6m)(Nhà ông Vinh-Khu SX thôn Ka Tô)	DGT	0,12	0,12	Xã Ba Cùm Nam			
12	Sân vận động huyện Khánh Sơn	DTT	4,00	4,00	Xã Sơn Trung		30.000.000	
13	Khu tái định cư thôn Tà Lương	ODT	6,00	6,00	Thị trấn Tô Hạp		30.000.000	
14	Nhà thiếu nhi huyện Khánh Sơn	DVH	2,00	2,00	Thị trấn Tô Hạp			
15	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã Sơn Bình đi xã Sơn Hiệp	DGT	5,50	5,50	Xã Sơn Bình, xã Sơn Hiệp		30.000.000	
16	Xây dựng tuyến đường từ thôn Tha Mang xã Ba Cùm Bắc đi thôn Tà Lương thị trấn Tô Hạp	DGT	10,00	10,00	Xã Ba Cùm Bắc, TT Tô Hạp			

17	Đường bên phải cầu Ko Róa (gần nhà bà Tâm) đi khu sản xuất	DGT	1,20	1,20	Xã Sơn Lâm		
18	Đường bên trái cầu Ko Róa (gần nhà bà Tâm) đi khu sản xuất Cao Thanh Minh	DGT	1,20	1,20	Xã Sơn Lâm		
19	Đường BTXM vào đồng ruộng xóm cỏ đến cầu suối sóc	DGT	0,39	0,39	Xã Sơn Bình		
20	Xây dựng tuyến đường từ thôn Dốc Gạo thị trấn Tô Hạp đi thôn xóm Cò xã Sơn Bình	DGT	7,77	7,77	Thị trấn Tô Hạp, xã Sơn Hiệp, xã Sơn Bình		
21	Xây dựng tuyến đường từ thị trấn Tô Hạp đi thôn Hòn Dung, xã Sơn Hiệp	DGT	4,11	4,11	Thị trấn Tô Hạp, xã Sơn Hiệp	30.000.000	
22	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã Sơn Trung đi Ba Cùm Bắc	DGT	2,42	2,42	Xã Sơn Trung, xã Ba Cùm Bắc	30.000.000	
23	Xây dựng cầu Hợp tác xã Ba Cùm Bắc	DGT			Xã Ba Cùm Bắc		
24	Đường liên xã Sơn Lâm đi xã Thành Sơn	DGT			Xã Sơn Lâm, xã Thành Sơn	30.000.000	
25	Duy tu bảo dưỡng đường liên xã Sơn Bình đi xã Sơn Lâm	DGT			Xã Sơn Bình, xã Sơn Lâm		
26	Kè chống sạt lở sông Tô Hạp, đoạn qua xã Sơn Lâm và xã Thành Sơn	DTL	4,50	4,50	Xã Sơn Lâm, xã Thành Sơn	30.000.000	
27	Kè chống sạt lở sông Tô Hạp, đoạn qua xã Ba Cùm Bắc, thị trấn Tô Hạp và xã Sơn Trung	DTL	5,50	5,50	Thị trấn Tô Hạp, Xã Ba Cùm Bắc, xã Sơn Trung		
28	Đập dâng Tô Hạp 1	DTL	2,00	2,00	xã Sơn Trung, thị trấn Tô Hạp	30.000.000	
29	Trường Mầm non Sao Mai		0,60	0,60	Xã Ba Cùm Bắc	30.000.000	
	TỔNG CỘNG		78,31	78,31		450.000.000	

Ghi chú: số liệu theo danh mục dự án thực hiện năm 2022 của Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Khánh Sơn phê duyệt tại Quyết định số 2525/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa và dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Khánh Sơn;

TỔNG HỢP NHU CẦU CÀN THUÊ TƯ VẤN XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ NĂM 2023 ĐỂ TÍNH BỒI THƯỜNG, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THUỘC ĐỊA BÀN HUYỆN KHÁNH VINH

(Kèm theo Kế hoạch số 668 /KH-STNMT ngày 27/12/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Diện tích Kế hoạch 2023 (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Loại đất thu hồi	Dự toán kinh phí (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đất trường bắn, thao trường huấn luyện của LLVT tỉnh Khánh Hòa		4,00	4,00	xã Khánh Hiệp		30.000.000	
2	Khu sơ tán gần huyện		5,00	5,00	xã Khánh Nam		30.000.000	
3	Trụ sở công an các xã		2,42	2,42	UBND các xã			
4	Cầu Sông Trang		1,82	1,82	xã Liên Sang, xã Giang Ly, xã Khánh Thượng		30.000.000	
5	Đường cao tốc Bắc Nam (đoạn Vân Phong - Nha Trang thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía đông giai đoạn 2021-2025 (đoạn đi qua địa bàn huyện Khánh Vĩnh))		76,16	76,16	Xã Khánh Bình, xã Khánh Đông			
6	Đường Bùi Thị Xuân và Hệ Thống thoát nước từ đường Ngô Gia Tự ra Sông Khế		0,15	0,15	thị trấn Khánh Vĩnh		30.000.000	
7	Đường Trần Nguyên Hãn		0,60	0,60	thị trấn Khánh Vĩnh		30.000.000	
8	Hệ thống dẫn nước Hồ Sông Chò 1		30,69	30,69	các xã			
9	Bê tông nhựa đường số 3 xã Liên Sang.		2,00	2,00	xã Liên Sang			
10	Đập dâng, hệ thống kênh, đường ống cấp nước cho khu tưới thị xã Ninh Hòa và khu tưới huyện Khánh Vĩnh; địa điểm xây dựng: thị xã Ninh Hòa, huyện Khánh Vĩnh		84,99	84,99	các xã		30.000.000	
11	Bãi đổ thải vật liệu phục vụ đường bộ cao tốc Bắc-Nam (vị trí 1)		15,00	15,00	Xã Khánh Bình		30.000.000	
12	Bãi đổ thải vật liệu phục vụ đường bộ cao tốc Bắc-Nam (vị trí 2)		5,00	5,00	xã Khánh Đông			
13	Hoàn thiện lưới điện xuất tuyến 471-F6C Khu vực Khánh Vĩnh (Hạng mục: Xây dựng mới mạch liên lạc giữa 2 xuất tuyến 471-F6C và 473-F6B)		4,52	4,52	xã Khánh Bình		30.000.000	

14	Khu đô thị sinh thái Núi Sông Cầu		466,00	466,00	xã Sông Cầu		50.000.000	
15	Mô đất san lấp phục vụ đường bộ cao tốc Bắc-Nam (mô 1)		8,00	8,00	xã Khánh Bình			
16	Mô đất san lấp phục vụ đường bộ cao tốc Bắc-Nam (mô 2)		7,00	7,00	Xã Khánh Bình, xã Khánh Đông		30.000.000	
	TỔNG CỘNG		713,3	713,3			320.000.000	

Ghi chú: số liệu theo danh mục dự án thực hiện năm 2022 của Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Khánh Vĩnh phê duyệt tại Quyết định số 2526/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa và dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Khánh Vĩnh

TỔNG HỢP NHU CẦU CÀN THUÊ TƯ VẤN XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ NĂM 2023 THEO QUYẾT ĐỊNH GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT VÀ GIÁ KHỞI ĐIỂM ĐÁU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo Kế hoạch số 668 /KH-STNMT ngày 27/02/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Hạng mục	Quyết định giao đất, cho thuê đất	Địa điểm	Diện tích (ha)	Loại đất xác định giá	Ghi chú
1	Dự án tại số 01 Trần Hưng Đạo	135/QĐ-UBND ngày 11/01/2019	Lộc Thọ, Nha Trang	0,74	ODT	báo cáo BTV Tỉnh ủy, TƯ để không xác định lại giá đất có bản án của Tòa án ND tỉnh rồi
2	Dự án số 02 Yersin	3911/QĐ-UBND ngày 14/12/2018	Xương Huân, Nha Trang	0,99	TMD	
3	Dự án Mở rộng khu dân cư Đất Lành (Đợt 3)	516/QĐ-UBND ngày 12/02/2018	Vĩnh Thái, Nha Trang	1,67	ODT+TMD	
4	Dự án Làng Biệt thự sinh thái Giáng Hương	2225/QĐ-UBND ngày 06/8/2018; 2226/QĐ-UBND ngày 06/8/2018; 2255/QĐ-UBND ngày 08/8/2018	Vĩnh Thái, Nha Trang	8,92	ODT+TMD	
5	Biệt thự sông núi Vĩnh Trung	1329/QĐ-UBND ngày 17/5/2018; 1330/QĐ-UBND ngày 17/5/2018	Vĩnh Thái, Nha Trang	6,81	ODT+TMD	
6	Khu đô thị Phúc Khánh 2	1695/QĐ-UBND ngày 14/6/2016; 2035/QĐ-UBND ngày 17/7/2017	Diên An, Diên Khánh và Vĩnh Trung, Nha Trang	6,13	ODT+TMD	
7	Tổ hợp Khách sạn và Resort cao cấp	2823/QĐ-UBND ngày 07/10/2015	Cam Hải Đông huyện Cam Lâm	10,14	TMD	
8	Golden Gate 28E Trần Phú		Vĩnh Nguyên, Nha Trang			
9	Xưởng Chế biến Thủy sản- Công ty F17	1313/QĐ-UBND ngày 07/5/2019	Vĩnh Hòa, Nha Trang	15,62	SKC, TMD	
10	Dự án The Arena	2327/QĐ-UBND ngày 03/9/2020	Cam Nghĩa, Cam Ranh	29,29	SKC, TMD	
11	Khu đô thị Thanh Phong	879/QĐ-UBND ngày 4/4/2018	Vĩnh Thái, Nha Trang	7,73	ONT+TMD	
12	Khu Biệt thự Đồi Xanh	2581/QĐ-UBND ngày 31/8/2017	Vĩnh Ngọc, Nha Trang	3,32	TMD	

13	Dự án Tropicara Resort	396/QĐ-UBND ngày 29/11/2018	Cam Hải Đông, Cam Lâm	19,50	TMD	
14	Dự án khu đô thị Hưng Thịnh	3049/QĐ-UBND, 3051/QĐ-UBND, 3052/QĐ-UBND, 3053/QĐ-UBND, 3054/QĐ-UBND, 3055/QĐ-UBND, 3050/QĐ-UBND ngày 12/10/2018; 265/QĐ-UBND, 264/QĐ-UBND ngày 24/01/2019	Cam Hải Đông, Cam Lâm		ONT+TMD	
15	Dự án khu du lịch sinh thái Prime Cam Lâm	3537/QĐ-QĐUB ngày 23/11/2017	Cam Hải Đông, Cam Lâm	7,78	TMD	
16	Dự án Ana Mandara	127/QĐ-UBND ngày 16/01/2020	Cam Hải Đông, Cam Lâm	3,11	TMD	
18	Khu Đô thị Lê Hồng Phong 1 (điều chỉnh QH) và tính tiền thuê đất năm 2016	3680/QĐ-UBND ngày 29/11/2016	Phước Hải, Nha Trang	17,30	ODT+TMD	
19	Khu đô thị VCN Phước Long (điều chỉnh QH)	3026/QĐ-UBND ngày 13/10/2017	Phước Hải, Phước Long Nha Trang	5,06	ODT+TMD	
20	Số 4 Nguyễn Thiện Thuật	1844/QĐ-UBND ngày 12/6/2019	Lộc Thọ, Nha Trang	0,37	ODT	
21	Khu vực 1- Khu đô thị Công viên hành chính mới tỉnh Khánh Hòa	2707/QĐ-UBND ngày 20/8/2019	Phước Đồng, Nha Trang	0,22	ODT	
22	Dự án khu đô thị mới Phước Long (điều chỉnh QH), giao đất, cho thuê đất bổ sung	2572/QĐ-UBND ngày 08/8/2019; 2573/QĐ-UBND ngày 08/8/2019	Phước Long, Nha Trang	19,50	ODT+TMD	
23	Dự án Khu đô thị Lê Hồng Phong 2	2121/QĐ-UBND ngày 21/7/2016	Phước Hải, Nha Trang	51,11	ODT+TMD	
24	Dự án Khu dân cư Cồn Tân Lập	(chưa có QĐ điều chỉnh quy hoạch)	Xương Huân, Nha Trang	7,93	ODT+TMD	
25	Dự án Trung tâm Bến du thuyền Hoàng Gia	1780/QĐ-UBND ngày 22/6/2017	Vĩnh Hòa, Nha Trang	2,79	ODT+TMD	
26	Dự án Khu nhà ở gia đình quân đội K98-NT	3047/QĐ-UBND ngày 02/10/2019 đ/c quy hoạch XD	Phước Hòa, Nha Trang	3,99	ODT+TMD	

27	Khu đô thị Hoàng Long (điều chỉnh QH)	1222/QĐ-UBND ngày 27/5/2020	Phước Long, Nha Trang	6,70	ODT+TMD	
30	Trung tâm đô thị - dịch vụ - Tài chính - Du lịch Nha Trang	xác định giá đất	Lộc Thọ, Tân Lập, Phước Hòa	62,00	ODT+TMD	theo KL của Trung ương/báo cáo xin ý kiến thực hiện
31	Giá khởi điểm các lô biệt thự Hòn Ró II	(chưa có phương án đấu giá)	Phước Đồng, Nha Trang	1,94	ODT	
32	Giá khởi điểm đấu giá kho cảng Bình Tân - 01A Phước Long	(chưa có phương án đấu giá)	Vĩnh Nguyên, Nha Trang	3,50	ODT	
33	Khu căn hộ dịch vụ 16 Phước Long (điều chỉnh QH)	2027/QĐ-UBND ngày 07/8/2020	Phước Long, Nha Trang	1,01	ODT+TMD	Đã trình HĐĐTĐ
34	Khu du lịch Mỹ Mỹ Resort (điều chỉnh QH)	1649/QĐ-UBND ngày 08/7/2020	Cam Hải Đông, Cam Lâm	22,62	TMD	
35	Công viên Bến du thuyền quốc tế	2764/QĐ-UBND ngày 01/11/2013	Vĩnh Hòa, Nha Trang	87,90	SKC	
36	CT hỗn hợp dịch vụ TM Chung cư 89 Trần Phú	xác định lại giá đất	Vĩnh Nguyên, Nha Trang	0,25	ODT	
37	Khu đất 25-26 Phạm Văn Đồng (điều chỉnh QH)	năm 2017 có QĐ điều chỉnh QH của tỉnh	Vĩnh Hải, Nha Trang	0,70	ODT	Đã trình HĐĐTĐ
38	Cảng Nha Trang phần thuê bổ sung	QĐ 730/QĐ-UBND ngày 26/3/2021	Vĩnh Nguyên, Nha Trang	1,90	SKC	
39	Khu đô thị An Bình Tân	xác định giá đất đợt 3, 4, và điều chỉnh QH	Phước Long Nha Trang		ODT, TMD	
40	Khu du lịch Hòn Một	xác định giá đất lần đầu	Nha Trang		TMD	
41	Khu đất 25-26 Nguyễn Đình Chiểu (điều chỉnh QH)	năm 2017 có điều chỉnh QH	Vĩnh Phước Nha Trang		ODT	
42	Khu đất 39-41 Nguyễn Thị Minh Khai (điều chỉnh QH)	xđ giá đất do đc QH tại thời điểm đc QH	Lộc Thọ Nha Trang		ODT+SKC	
43	Đất xây dựng công trình sự nghiệp					
44	Câu lạc bộ du thuyền và khu nghỉ dưỡng Cam Ranh	định giá đất để khắc phục	TP Cam Ranh		TMD	theo KL của Trung ương

45	Khu liên hợp KS TM căn hộ du lịch VP cho thuê Luna 18 Trần Hưng Đạo	định giá đất để khắc phục	TP Nha Trang		TMD	theo KL của Trung ương
46	The Hotel Horizon Nha Trang	định giá đất để khắc phục	TP Nha Trang		TMD	theo KL của Trung ương
47	Tổ hợp KS căn hộ cao cấp Mường Thanh Nha Trang	định giá đất để khắc phục	TP Nha Trang		TMD	theo KL của Trung ương
48	Cao ốc văn phòng KS CatTiger	định giá đất để khắc phục	TP Nha Trang		TMD	theo KL của Trung ương
49	Khu nhà ở cao cấp Hoàng Phú	định giá đất để khắc phục	TP Nha Trang		ODT+TMD	theo KL của Trung ương
50	Sân golf và biệt thự sinh thái Cam Ranh		Cam Lâm		ONT+TMD	theo KL của Trung ương/báo cáo xin ý kiến thực hiện
51	Khu du lịch Green Hotel - D12b Bắc Bán đảo Cam Ranh	định giá đất để khắc phục	Cam Lâm		TMD	theo KL của Trung ương
52	Trung tâm điện ảnh văn hóa Sao Việt	định giá đất để khắc phục	TP Nha Trang		SKC, TMD	theo KL của Trung ương
53	Khu nghỉ dưỡng Bảo Đại	định giá đất để khắc phục	TP Nha Trang		ONT+TMD	theo KL của Trung ương
54	Xưởng Sản xuất chế biến mây xuất khẩu (01 Huỳnh Tịnh Của)		TP Nha Trang		TMD	phát sinh QĐ gia hạn cho thuê đất của UBND tỉnh năm 2022
55	Khu căn hộ cao cấp Oceanus (Thiên Triệu)		TP Nha Trang		TMD	theo KL của Trung ương/báo cáo xin ý kiến thực hiện
56	KS Starcity - 74 Trần Phú	định giá đất để khắc phục	TP Nha Trang		TMD	theo KL của Trung ương
57	Cty CP Nha Trang Seafood F17		TP Nha Trang		TMD	theo KL của Trung ương
58	Khu nhà ở Incomex Sài Gòn	định giá đất để khắc phục	TP Nha Trang		ODT+TMD	theo KL của Trung ương
59					ODT+TMD	theo KL của Trung ương
60	Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng cao cấp Eurowindow Nha Trang	định giá đất để khắc phục	Cam Lâm		TMD	theo KL của Trung ương
61	Dự án khu du lịch Sài Gòn - Cam Ranh	định giá đất để khắc phục	Cam Lâm		TMD	theo KL của Trung ương
62	Nhà văn phòng và trưng bày giới thiệu sản phẩm Quốc Di	định giá đất để khắc phục	TP Nha Trang		TMD	theo KL của Trung ương
63	Trung tâm thương mại Khánh Hòa (nay là Siêu thị Co.op Mart)	định giá đất để khắc phục	TP Nha Trang		TMD	theo KL của Trung ương
64	Khách sạn Xanh - Nha Trang 2	định giá đất để khắc phục	TP Nha Trang		TMD	theo KL của Trung ương
65	Cao ốc khách sạn - thương mại Khatoco	định giá đất để khắc phục	TP Nha Trang		TMD	theo KL của Trung ương
66	Khu phức hợp Thương mại – Khách sạn- Căn hộ du lịch Tropicana	định giá đất để khắc phục	TP Nha Trang		TMD	theo KL của Trung ương

67	Khu đô thị mới Mỹ Gia	định giá đất để khắc phục	TP Nha Trang		ODT+TMD	theo KL của Trung ương
68	Khu sinh thái tâm linh Cửu Long Sơn Tự		TP Nha Trang			báo cáo BTV Tỉnh ủy, TỰ để không xác định lại giá đất có bản án của Tòa án ND tỉnh rồi
69	Biệt thự Sông núi Vĩnh Trung		TP Nha Trang			báo cáo BTV Tỉnh ủy, TỰ để không xác định lại giá đất có bản án của Tòa án ND tỉnh rồi
70	Công viên văn hóa VinWonders Nha Trang		TP Nha Trang		TMD/SKC	theo QĐ của UB tỉnh
71	Khu nhà ở Phước Đồng		TP Nha Trang		ODT+TMD	QĐ của UB tỉnh/trước đây chưa xđ giá
72	Khu dân cư nhà vườn Phước Thượng		TP Nha Trang		ONT+ TMD	QĐ của UB tỉnh/trước đây chưa xđ giá
73	Các trường hợp giao đất, cho thuê đất phát sinh trong năm 2023		khoảng 15 trường hợp		ODT/TMD/SKC	theo QĐ của UBND tỉnh năm 2023
TỔNG CỘNG		73 trường hợp				Kinh phí dự kiến 3.650 triệu đồng

Ghi chú: Trong kỳ thực hiện năm 2023 nếu có phát sinh trường hợp, sẽ bổ sung Kế hoạch định giá đất cụ thể để triển khai thực hiện.

Dự kiến kinh phí thuê tư vấn đối với 01 trường hợp khoảng	50 triệu đồng	3650
KP dự kiến	8.332 triệu đồng	4682
BT TĐC	292 thu tiền đất	
tổng	365 trường hợp	
du kiến thuê	50% của 365	183 TH